

UBND TỈNH ĐẮK NÔNG  
**SỞ TÀI CHÍNH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2175/STC-TTra

Đắk Nông, ngày 21 tháng 10 năm 2020

V/v Dự thảo Báo cáo Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2020 và phương hướng nhiệm vụ năm 2021.

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông.

Căn cứ Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí ngày 26 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 84/2014/NĐ-CP ngày 08/9/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí;

Căn cứ Thông tư số 188/2014/TT-BTC ngày 10/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 84/2014/NĐ-CP ngày 08/9/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí;

Thực hiện Kế hoạch số 07/KH-HĐND ngày 15/9/2020 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về việc tổ chức Kỳ họp thứ 11 Hội đồng nhân dân tỉnh khóa III nhiệm kỳ 2016 - 2021 và Kế hoạch số 552/KH-UBND ngày 18/9/2020 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc triển khai thực hiện các nội dung trình HĐND tỉnh khóa III tại kỳ họp thứ 11, nhiệm kỳ 2016-2021.

Sau khi tổng hợp Báo cáo của các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa, các tổ chức chính trị trên địa bàn tỉnh Đắk Nông. Sở Tài chính Dự thảo báo cáo Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2020 và phương hướng nhiệm vụ năm 2021 của tỉnh Đắk Nông. Kính đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét báo cáo cho Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông theo quy định./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Ban Giám đốc Sở;
- Lưu: VT, TTra (Tt).



**KT. GIÁM ĐỐC**  
**PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Phan Thị Hiếu**

Số: /BC-UBND

Đắk Nông, ngày tháng 10 năm 2020

**DỰ THẢO**

## BÁO CÁO

### **Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí cả năm 2020 và phương hướng nhiệm vụ năm 2021 của tỉnh Đắk Nông**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông.

Căn cứ Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí ngày 26 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 84/2014/NĐ-CP ngày 08/09/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí;

Căn cứ Quyết định số 2544/QĐ-TTg ngày 30/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Chương trình tổng thể của Chính phủ về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 166/QĐ-TTg ngày 23/01/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Chương trình tổng thể của Chính phủ về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 459/QĐ-UBND ngày 21/3/2017 của UBND tỉnh về việc ban hành Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí giai đoạn 2017-2020 của tỉnh Đắk Nông;

Thực hiện Kế hoạch số 07/KH-HĐND ngày 15/9/2020 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về việc tổ chức Kỳ họp thứ 11 Hội đồng nhân dân tỉnh khóa III nhiệm kỳ 2016 - 2021 và Kế hoạch số 552/KH-UBND ngày 18/9/2020 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc triển khai thực hiện các nội dung trình HĐND tỉnh khóa III tại kỳ họp thứ 11, nhiệm kỳ 2016-2021.

Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo kết quả thực hiện Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2020 và phương hướng nhiệm vụ năm 2021, cụ thể như sau:

#### **I. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành, tổ chức THTK, CLP:**

1. Công tác tuyên truyền phổ biến, quán triệt, chủ trương của Đảng, quy định của pháp luật về THTK, CLP:

Năm 2020 là năm có ý nghĩa rất quan trọng, là năm thứ năm thực hiện Nghị quyết số 22/2015/NQ-HĐND, ngày 10/12/2015 của HĐND tỉnh về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020. Trong bối cảnh đó, việc xây dựng và thực hiện Chương trình THTK, CLP luôn được HĐND và UBND tỉnh đặc biệt quan tâm, thường xuyên lãnh đạo, chỉ đạo quán triệt việc thực hiện THTK, CLP trên địa bàn tỉnh. Đầu năm 2020 các Sở, Ban, ngành và UBND các

huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh xây dựng Chương trình, kế hoạch về THTK, CLP nhằm đẩy mạnh công tác tiết kiệm, chống lãng phí trong quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước, tài sản công, nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn lực tài chính trong hoạt động của cơ quan, đơn vị.

Công tác quán triệt tuyên truyền được thực hiện bằng nhiều hình thức: Thông qua các đợt sinh hoạt chính trị, hội nghị cấp tỉnh, qua hệ thống phát thanh truyền hình, qua các cuộc họp nhằm chỉ đạo, đôn đốc thực hiện các văn bản của Đảng, Nhà nước và thông qua trang Web của các Sở, các kỳ họp giao ban của các Sở, Ban, ngành, qua đó Trường các phòng ban trong từng đơn vị, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Sở, huyện, thành phố tổ chức tuyên truyền đến cán bộ công chức, viên chức và người lao động; công tác tuyên truyền là nhiệm vụ thường xuyên trong chi bộ, đảng ủy, cơ quan, đơn vị. Vì vậy, kết quả công tác THTK, CLP thời gian qua đã có những chuyển biến tích cực; công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát được tăng cường.

2. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng và tổ chức thực hiện Chương trình THTK, CLP:

- Đầu năm 2020, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 221/QĐ-UBND ngày 18/02/2020 về việc ban hành Chương trình THTK, CLP năm 2020. Trên cơ sở đó, các Sở, Ban, ngành; các tổ chức chính trị - xã hội; UBND các huyện, thành phố; các Công ty TNHH MTV 100% vốn nhà nước (*Viết tắt là "các cơ quan, đơn vị"*) xây dựng kế hoạch, nội dung và biện pháp THTK, CLP nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn lực về tài chính, tài sản, đất đai, một số nguồn, nhân lực khác.

- Các biện pháp về THTK, CLP đã đề ra là ban hành các chỉ tiêu tiết kiệm, chống lãng phí trên nhiều lĩnh vực như: Trong quản lý, sử dụng kinh phí chi thường xuyên của ngân sách nhà nước; quản lý, sử dụng vốn đầu tư xây dựng cơ bản từ ngân sách nhà nước; quản lý, sử dụng đất đai, trụ sở làm việc, nhà công vụ, tài sản công; quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên; quản lý các quỹ tài chính có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước; quản lý, sử dụng vốn và tài sản của Nhà nước trong các công ty TNHH một thành viên 100% vốn nhà nước; quản lý, sử dụng điện năng; quản lý sử dụng lao động và thời gian lao động; hướng dẫn hoạt động tiêu dùng, sinh hoạt của người dân trên địa bàn.

3. Về công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát việc THTK-CLP trong năm 2020:

- UBND tỉnh chỉ đạo việc kiểm tra, thanh tra THTK, CLP được thực hiện thông qua hoạt động của Ban thanh tra nhân dân tại các cơ quan, đơn vị; thanh tra cấp trên đối với cấp dưới gồm thanh tra hành chính, thanh tra chuyên ngành hoặc qua việc giải quyết khiếu nại, tố cáo của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân.

- Phát huy vai trò làm chủ của công chức trong việc phát hiện tố cáo hành vi tham nhũng và giám sát thực hiện Luật Phòng, chống tham nhũng, THTK CLP, phát huy quyền làm chủ của công chức, viên chức trong việc giám sát, kiểm tra quá trình chấp hành Quy chế dân chủ cơ sở của cơ quan, đơn vị.

- Trong kỳ, toàn ngành thanh tra đã triển khai 109 cuộc thanh tra, kiểm tra đối với 565 tổ chức, 2.745 cá nhân. Qua thanh tra, phát hiện 630 tổ chức, cá nhân có sai phạm các dạng về kinh tế với tổng số tiền 68.658,2 triệu đồng. Căn cứ vào nội dung và tính chất sai phạm đã kiến nghị thu hồi nộp vào ngân sách nhà nước số tiền 26.031,2 triệu đồng, kiến nghị khác 42.550 triệu đồng. Ban hành 52 quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các tổ chức và cá nhân với số tiền 364,2 triệu đồng. Tổng số kiến nghị phải thu hồi và xử phạt vi phạm hành chính với số tiền là 26.395,40 triệu đồng, đã thu hồi được 4.418,10 triệu đồng. Kiến nghị kiểm điểm 30 tổ chức, 34 cá nhân; chuyển cơ quan cảnh sát điều tra 10 vụ việc (05 vụ kê khai diện tích rừng cao hơn so với diện tích được giao quản lý bảo vệ để hưởng tiền dịch vụ môi trường rừng tại 05 doanh nghiệp, 06 vụ vi phạm các quy định về quản lý đất đai, quản lý sử dụng tài sản Nhà nước gây thất thoát, lãng phí). Kiến nghị hủy bỏ Quyết định hưởng chế độ chính sách người nhiễm chất độc hóa học đối với 05 cá nhân; đề nghị chấm dứt hợp đồng đối với 01 trường hợp, thu hồi quyết định thăng hạng viên chức giáo viên với 150 trường hợp, rà soát điều chỉnh tiêu chuẩn thăng hạng viên chức giáo viên đối với 65 trường hợp, hoàn thiện các điều kiện, tiêu chuẩn còn thiếu đối với 200 trường hợp, đề nghị miễn nhiệm, cho thôi làm nhiệm vụ Phó chủ tịch UBND xã đối với 01 trường hợp, thu hồi quyết định 02 trường hợp là công chức cấp xã lên làm công chức cấp huyện, thu hồi 59,5 ha đất.

- Về công tác tiếp công dân, xử lý đơn thư, giải quyết khiếu nại, tố cáo:

+ Về công tác tiếp dân, toàn tỉnh đã tiếp 2.334 lượt với 3.154 công dân đến khiếu nại, tố cáo, kiến nghị và phản ánh, trong đó: tiếp thường xuyên 2.028 lượt với 2.602 người, tiếp đột xuất 306 lượt với 552 người. Nội dung chủ yếu liên quan đến việc thu hồi đất, phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; việc cưỡng chế giải tỏa thu hồi đất; sai sót trong cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; tranh chấp đất đai; kiến nghị về chế độ chính sách an sinh xã hội... Kết quả xử lý cho thấy, số vụ việc đã được xem xét, giải quyết 161 vụ việc, số vụ chưa được cấp có thẩm quyền giải quyết 137 vụ việc.

+ Về công tác tiếp nhận và xử lý đơn thư, toàn tỉnh đã tiếp nhận 3.405 đơn, trong đó đơn khiếu nại 418 đơn, tố cáo 295 đơn, kiến nghị, phản ánh 2.692 đơn. Qua công tác xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo đã thụ lý giải quyết 28 đơn, khiếu nại 28 vụ việc, đã giải quyết xong 20 đơn 20 vụ việc, đang giải quyết 08 đơn 08 vụ việc (cấp tỉnh 03 vụ; cấp Sở 01 vụ; cấp huyện 04 vụ). Thụ lý giải quyết 19 đơn tố cáo 19 vụ việc, đã giải quyết xong 15 đơn 15 vụ việc, đang giải quyết 04 đơn 04 vụ (cấp huyện 04 vụ). Ngành Thanh tra tỉnh đã triển khai 12 cuộc thanh tra, kiểm tra trách nhiệm thực hiện pháp luật về khiếu nại, tố cáo tại 21 đơn vị.

## **II. Tình hình, kết quả THTK - CLP năm 2020:**

### **1. Kết quả đạt được:**

Số liệu báo cáo Chương trình THTK, CLP năm tính đến hết ngày 30/9/2020. Tính đến 14 giờ ngày 21/10/2020 có 36/38 các Sở, ban, ngành, các tổ chức chính trị xã hội đã tổng hợp báo cáo, có 7/8 huyện, thành phố đã tổng hợp báo cáo, có 11/13 doanh nghiệp nhà nước đã tổng hợp báo cáo. Hầu hết các báo cáo tổng hợp rất sơ sài, không đủ nội dung, đa số các đơn vị nộp chậm chậm theo Công văn số

1985/STC-TTra ngày 23/9/2020 của Sở Tài chính (các đơn vị gửi báo cáo về cho Sở Tài chính trước ngày 08/10/2020) và báo cáo không có phụ biểu số 02 theo Thông tư số 188/2014/TT-BTC ngày 10/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 84/2014/NĐ-CP ngày 08/9/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Mặc khác, Chương trình THPT, CLP năm 2020 là năm thứ 5 thực hiện Nghị quyết số 22/2015/NQ-HĐND, ngày 10/12/2015 của HĐND tỉnh về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020, nhưng một số đơn vị không xây dựng Chương trình theo kế hoạch năm nên việc tổng hợp báo cáo rất khó khăn (chi tiết tại Phụ lục số 02 đính kèm).

1.1. THPT, CLP trong việc ban hành, thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ:

Trên cơ sở các văn bản có liên quan hướng dẫn triển khai THPT, CLP của Trung ương và của UBND tỉnh, các đơn vị đã ban hành Chương trình, kế hoạch THPT, CLP năm 2020 để làm cơ sở triển khai thực hiện cho cả năm. Đồng thời các đơn vị ban hành quy chế chi tiêu nội bộ, quy chế quản lý và sử dụng tài sản công (như xe ô tô, máy móc thiết bị, vật tư văn phòng phẩm...), về định mức tiêu hao nhiên liệu, văn phòng phẩm, điện, nước ... để phục vụ cho việc quản lý, kiểm soát chi tiêu của đơn vị. Khi có sự thay đổi về định mức, tiêu chuẩn, chế độ các đơn vị đã kịp thời cập nhật sửa đổi định mức cho phù hợp với quy định mới. Tổ chức lấy ý kiến tập thể và có sự tham gia của tổ chức công đoàn trong việc xây dựng định mức, biện pháp khoán chi, từ đó đề ra các chi tiêu cụ thể sát với thực tế. Việc áp dụng tiêu chuẩn, định mức do cơ quan có thẩm quyền ban hành đã được cụ thể hóa vào quy chế chi tiêu nội bộ của mỗi cơ quan, đơn vị.

1.2. THPT, CLP trong lập, thẩm định, phê duyệt dự toán, quyết toán, quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước (NSNN):

a) THPT, CLP trong lập, thẩm định, phê duyệt dự toán, quyết toán, quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước:

- Về tiết kiệm từ việc dự toán lập sai chế độ, sai đối tượng, sai tiêu chuẩn, định mức: Trong năm 2020, tỉnh đã phân bổ dự toán cho các đơn vị theo đúng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh và Quyết định của UBND tỉnh về dự toán thu chi NSNN năm 2020. Đồng thời, trong quá trình tổng hợp quyết toán năm 2019, đã tham mưu cấp có thẩm quyền sử dụng nguồn tăng thu ngân sách tỉnh là 101.476 triệu đồng và tiết kiệm chi ngân sách tỉnh là 141.389 triệu đồng.

- Về số tiền tiết kiệm dự toán chi thường xuyên theo chỉ đạo, điều hành của Chính phủ: Thực hiện tiết kiệm ngân sách cấp tỉnh và cấp huyện theo số Bộ Tài chính giao năm 2020 là 107.313 triệu đồng.

- Về số tiền tiết kiệm từ việc thẩm tra phê duyệt quyết toán ngân sách cho toàn tỉnh: Đến thời điểm hiện nay, Sở Tài chính chưa thực hiện xong công tác quyết toán Ngân sách nhà nước năm 2019 nên chưa phát hiện các sai phạm trong quản lý, sử dụng NSNN của các cơ quan, đơn vị.

Tuy nhiên, trước tình hình diễn biến phức tạp của dịch Covid-19 và bệnh bạch hầu, đã tham mưu UBND tỉnh có văn bản chỉ đạo các cơ quan, đơn vị đẩy mạnh thực hiện các giải pháp điều hành thực hiện nhiệm vụ tài chính, ngân sách

những tháng cuối năm 2020, đồng thời cắt giảm tối thiểu 70% kinh phí hội nghị, đi công tác trong và ngoài nước còn lại và tiết kiệm 10% chi thường xuyên khác còn lại của năm 2020. Theo đó, số kinh phí các cơ quan, đơn vị đã thực hiện cắt giảm là: 11.528 triệu đồng.

b) THPTK, CLP trong quản lý, sử dụng kinh phí Chương trình mục tiêu quốc gia:

- Tình hình thực hiện tiết kiệm từ việc thẩm định chủ trương đầu tư tổ chức hợp với các ngành, địa phương liên quan để thẩm định chủ trương đầu tư danh mục các dự án thuộc Chương trình MTQG theo quy định của Luật Đầu tư công và các Nghị định có liên quan. Trong quá trình thẩm định chủ trương đầu tư, Hội đồng thẩm định đã tiến hành rà soát tổng mức đầu tư theo quy định tại Nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐND ngày 02/8/2018 của HĐND tỉnh quy định tỷ lệ, định mức hỗ trợ đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu trong việc triển khai thực hiện các Chương trình MTQG trên địa bàn tỉnh đến năm 2020, suất đầu tư theo Quyết định số 888/QĐ-UBND ngày 30/5/2017 về việc ban hành thiết kế điển hình và suất đầu tư đối với các công trình, dự án xây dựng thuộc các công trình mục tiêu Quốc gia giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn tỉnh và giá vật liệu theo báo giá tháng gần nhất, tiến hành cắt giảm tổng mức đầu tư các công trình không phù hợp với quy định để tiết kiệm hiệu quả nguồn vốn.

- Rà soát các kế hoạch, dự án đầu tư ngay từ khâu đề xuất và quyết định chủ trương đầu tư, đầu tư đúng mục đích cho các dự án thật sự cấp thiết, tránh việc các dự án đầu tư không đạt hiệu quả kinh tế - xã hội, đầu tư dàn trải, hiệu quả sử dụng vốn đầu tư thấp. Công tác thẩm định chủ trương đầu tư được kiểm soát chặt chẽ về quy mô dự án theo quy định, chú trọng đến việc xác định hiệu quả kinh tế - xã hội, chi thẩm định và phê duyệt dự án khi đã xác định rõ nguồn vốn đầu tư. Hầu hết các dự án được triển khai thực hiện có đầy đủ các thủ tục đầu tư theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Tình hình xử lý nợ đọng trong đầu tư xây dựng cơ bản: Các dự án thuộc Chương trình MTQG là các dự án nhóm C có quy mô nhỏ, chi đề xuất kế hoạch vốn nguồn ngân sách thực hiện trong thời gian 01 năm, một số dự án chuyển tiếp được bổ sung vốn quyết toán trong năm thứ 2. Hầu hết các dự án không phát sinh nợ đọng vốn phần ngân sách, một số địa phương chưa làm tốt công tác huy động đóng góp nên còn nợ đọng phần vốn đóng góp của nhân dân.

1.3. THPTK, CLP trong mua sắm, sử dụng phương tiện đi lại và phương tiện, thiết bị làm việc của cơ quan, tổ chức trong khu vực nhà nước:

- Thời gian qua, tỉnh đã áp dụng việc mua sắm theo phương thức tập trung theo danh mục tài sản được UBND tỉnh công bố tại Quyết định số 1682/QĐ-UBND ngày 30/9/2016 và trang bị xe ô tô của cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp trên địa bàn tỉnh đảm bảo đúng tiêu chuẩn và định mức tại Quyết định số 15/2013/QĐ-UBND ngày 03/9/2013.

- Số lượng ô tô toàn tỉnh là 404 chiếc,

1.4. THPTK, CLP trong đầu tư xây dựng; quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, nhà ở công vụ và công trình phúc lợi công cộng:

a) THPTK, CLP trong đầu tư xây dựng:

- Việc mua sắm tài sản thực hiện theo đúng quy định của Luật Đấu thầu năm 2013 và Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết về Luật Đấu thầu.

- Việc sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc sở hữu nhà nước được UBND tỉnh, huyện và thành phố thực hiện theo đúng hướng dẫn của Thủ tướng Chính phủ tại Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 quy định sắp xếp lại, xử lý tài sản công.

- Công tác thu hồi, điều chuyển, thanh lý, bán tài sản nhà nước được triển khai thực hiện kịp thời, đúng trình tự, thủ tục theo quy định thực hiện theo Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.

- Các cơ quan, đơn vị quản lý đầu tư, cơ quan phê duyệt dự án đầu tư, chủ trương đầu tư, đơn vị thực hiện dự án đầu tư sử dụng ngân sách nhà nước đã chấp hành đúng các quy định hiện hành về đầu tư xây dựng cơ bản, thực hiện triệt để tiết kiệm THPT, CLP trong thẩm định dự án, dự toán và phê duyệt trước khi thực hiện.

a.1) THPT, CLP trong công tác chủ trương đầu tư và giao dự toán vốn đầu tư:

- UBND tỉnh ban hành Công văn số 5999/UBND-KTTH ngày 11/12/2019 về hướng dẫn phân bổ vốn và tăng cường quản lý vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước năm 2020. Đối với Chương trình MTQG cấp huyện tổ chức thực hiện theo Quyết định số 1589/QĐ-UBND ngày 26/9/2019 của UBND tỉnh về việc ủy quyền tổ chức thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư danh mục các dự án nhóm C quy mô nhỏ thuộc nguồn vốn Chương trình mục tiêu quốc gia.

- Thực hiện công tác rà soát, bảo đảm 100% các Chương trình, dự án bố trí trong kế hoạch đầu tư công phải có đầy đủ các thủ tục đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư công. Việc phân bổ vốn đầu tư công đảm bảo tuân thủ nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư công và thứ tự ưu tiên theo quy định. Qua công tác theo dõi, kiểm tra, đánh giá đối với 100% kế hoạch, Chương trình, dự án đầu tư công được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của Luật Đầu tư công và các văn bản hướng dẫn.

a.2) THPT, CLP trong việc ban hành, thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ, thẩm định dự án đầu tư, cấp giấy phép xây dựng, công tác quản lý quy hoạch trong lĩnh vực xây dựng:

- Về thẩm định dự án đầu tư: Tính đến ngày 06/10/2020, Sở Xây dựng tỉnh đã thẩm định 95 hồ sơ, trong đó 67 hồ sơ sử dụng nguồn vốn ngân sách và nguồn vốn nhà nước ngoài ngân sách, 28 hồ sơ thuộc nguồn vốn khác, trong đó: Tổng mức đầu tư xây dựng công trình vốn NSNN và nguồn vốn nhà nước ngoài ngân sách do chủ đầu tư trình thẩm định là 1.090.069 triệu đồng, tổng mức đầu tư sau khi phê duyệt là 1.086.830 triệu đồng (giảm 3.238 triệu đồng, đạt tỷ lệ 0,3% do đơn vị lập thiết kế sai sót về khối lượng, áp sai định mức và đơn giá theo quy định). Vốn khác 28 hồ sơ với tổng mức đầu tư 324.921 triệu đồng.

- Trong 9 tháng đầu năm 2020, đã cấp 21 giấy phép xây dựng cho các tổ chức và cá nhân; hướng dẫn cho các nhà đầu tư thực hiện trình tự đầu tư xây dựng; trình tự giấy phép xây dựng.

- Về quản lý quy hoạch xây dựng: Thực hiện công tác lập, thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ, đồ án quy hoạch đảm bảo phù hợp với tình hình phát triển kinh tế xã hội, nâng cao hiệu quả sử dụng quỹ đất, tiết kiệm chi phí thực hiện quy hoạch. Công tác lập quy hoạch đô thị, tập trung đầu tư xây dựng đô thị, nâng cấp, phân loại đô thị đạt kết quả cao; qua đó đã tác động mạnh mẽ làm thay đổi cách nghĩ, cách làm, chủ động sáng tạo của chính quyền địa phương và nhân dân trong công tác huy động nguồn lực, vận dụng chính sách, lồng ghép các chương trình để phát triển đô thị; công tác phân loại đô thị đạt kết quả theo lộ trình, tạo điều kiện để thành lập, nâng cấp đơn vị hành chính các đô thị theo quy định; nhận thức về quy hoạch, phát triển đô thị được đổi mới và từng bước hoàn thiện, đời sống dân cư đô thị được cải thiện đáng kể. Sở Xây dựng đã hướng dẫn UBND các huyện, thành phố tiến hành điều chỉnh quy hoạch chung đô thị nhằm đạt các tiêu chuẩn, điều kiện để triển khai nâng cấp đô thị trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

- Số kinh phí tiết kiệm được trong thủ tục cấp thẩm định, phê duyệt dự án, tổng dự toán: Theo kế hoạch là 5.378 triệu đồng, thực hiện đến 30/9/2020 là 7.157 triệu đồng.

- Số kinh phí tiết kiệm được trong việc thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh: Theo kế hoạch là 2.821 triệu đồng, thực hiện đến 30/9/2020 là 3.279 triệu đồng.

- Số kinh phí tiết kiệm được trong việc thực hiện đầu tư, thi công: Theo kế hoạch là 374 triệu đồng, thực hiện đến 30/9/2020 là 202 triệu đồng.

b) THPTK, CLP trong quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, nhà công vụ, công trình phúc lợi công cộng:

- Tổng diện tích trụ sở làm việc theo kế hoạch là: 1.075.952m<sup>2</sup>, kết quả thực hiện là 1.535.123m<sup>2</sup>. Tính đến 30/9/2020 có sự biến động tăng, giảm do diện tích trụ sở tăng thêm do xây dựng, mua mới, nhận điều chuyển là 1.068m<sup>2</sup>; diện tích trụ sở giảm do thanh lý, điều chỉnh, sắp xếp lại là 8.441m<sup>2</sup>.

- Tổng diện tích nhà công vụ theo kế hoạch là 250.359m<sup>2</sup>, kết quả thực hiện là 250.677m<sup>2</sup>. Tính đến 30/9/2020 có sự biến động tăng, giảm do diện tích trụ sở tăng thêm do xây dựng, mua mới, nhận điều chuyển là 197m<sup>2</sup>; diện tích nhà công vụ giảm do thanh lý, điều chỉnh, sắp xếp lại là 185m<sup>2</sup>.

1.5. THPTK, CLP trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên:

a) THPTK, CLP trong quản lý, sử dụng đất:

- Công tác đo đạc, lập bản đồ địa chính, xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: Hoàn thành việc chuyển giao phần mềm xây dựng dữ liệu địa chính, đồng thời hướng dẫn sử dụng phần mềm (South Lis) cho cán bộ Văn phòng đăng ký tỉnh, Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai của huyện và cán bộ địa chính xã, thị trấn thuộc huyện Đắk R'Lấp để vận hành cơ sở dữ liệu quản lý đất đai trên địa bàn huyện Đắk R'Lấp.



- Công tác quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất: Hiện nay Hội đồng nhân dân tỉnh đã thông qua các dự án cần thu hồi đất năm 2020 và được HĐND tỉnh thông qua Nghị quyết số 55/NQ-HĐND ngày 11/12/2019 và bổ sung các dự án cần thu hồi đất năm 2020 tại Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 22/9/2020.

- Công tác thu hồi, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất: UBND tỉnh ban hành 66 Quyết định giao đất, thu hồi, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, chuyển hình thức sử dụng đất và điều chỉnh đơn giá thuê đất, vị trí thuê đất đối với các đơn vị tổ chức trên địa bàn tỉnh với tổng diện tích là 4.521,25ha. Thực hiện bàn giao thực địa đối với 105 đơn vị, tổ chức; đối với cá nhân, hộ gia đình đã được phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện bàn giao thực địa theo quy định.

- Công tác thu hồi, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất:

+ Đối với tổ chức: Sở Tài nguyên và Môi trường đã ban hành 44 Quyết định về việc thu hồi, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các tổ chức trên địa bàn tỉnh (trong đó cấp mới 29 hồ sơ, cấp đổi 15 hồ sơ), với tổng diện tích 774,6 ha.

+ Đối với hộ gia đình, cá nhân: Số hồ sơ về lĩnh vực đất đai tiếp nhận, giải quyết tại Văn phòng Đăng ký Đất đai tỉnh và các Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai các huyện, thành phố: Tiếp nhận 78.653 hồ sơ, trong đó: Đã xử lý 71.438 hồ sơ; Đang xử lý 1.705 hồ sơ; Trả bộ phận một cửa: 5.510 hồ sơ.

- Công tác quản lý quỹ đất công, thu tiền sử dụng đất: Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh quản lý quỹ đất được bàn giao trên địa bàn tỉnh Đắk Nông 47 lô đất, trong đó: Đã thực hiện bán đấu giá 01 lô; còn lại các lô đã tiếp tục thực hiện quy trình thủ tục để bán đấu giá. Đối với UBND cấp huyện, thành phố: Đã tiến hành làm thủ tục và đấu giá nhiều lô đất do địa phương quản lý (đấu giá thành công: Krông Nô: 08 lô/5.420 triệu đồng; Đắk Song: 23 lô/3.220 triệu đồng; Đắk R'Lấp 28 lô). Số tiền được trích lập về Quỹ phát triển đất từ các huyện, thành phố là 140.819,389 triệu đồng (số liệu đến ngày 18/9/2020 và huyện Đắk Song xin gia hạn thời gian trích lập). Thu ngân sách về đất đai trong 09 tháng là 264.700 triệu đồng; đạt 86,1% so với Nghị quyết HĐND tỉnh (307.300 triệu đồng), đạt 66,0% so với kế hoạch UBND tỉnh (401.500 triệu đồng).

- Công tác xây dựng Bảng giá đất, xác định giá đất cụ thể: Tỉnh đã ban hành Quyết định số 08/2020/QĐ-UBND ngày 08/5/2020 về quy định Bảng giá đất giai đoạn 2020-2024 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông và ban hành 50 Quyết định về việc phê duyệt giá đất cụ thể để làm căn cứ tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất; giao đất có thu tiền sử dụng đất và cho thuê đất để thực hiện các dự án, công trình và 01 Quyết định việc điều chỉnh, bổ sung và hủy bỏ một số nội dung tại Phụ lục giá đất; tỉnh ban hành 02 Quyết định về việc phê duyệt Phương án đấu giá, đấu giá quyền sử dụng đất của Công ty TNHH MTV Thuận Tân và ban hành Quyết định số 1417/QĐ-UBND ngày 22/9/2020 về việc phê duyệt Quy trình nội bộ thực hiện trên Công Dịch vụ công của tỉnh đối với các dự án xây dựng phương án giá đất cụ thể trên địa bàn tỉnh.

- Kết quả thanh tra, kiểm tra chuyên ngành về lĩnh vực đất đai:

+ Công tác tiếp dân và giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo: Tiếp 61 lượt/63 người, có 01 đoàn đông người. Tổng số đơn thư tiếp nhận là 175 đơn (Số đơn thuộc thẩm quyền và giải quyết dứt điểm 23 đơn/23 vụ việc (đạt 100%); Số đơn còn lại được xử lý theo đúng quy định). Tổng số đơn thư tiếp nhận ở huyện, thành phố Gia Nghĩa: 406 đơn; đã giải quyết: 356 đơn (đạt 87,7%); còn lại đang giải quyết.

+ Công tác thanh tra, kiểm tra: Tổng số cuộc thanh tra: 06 cuộc/21 đơn vị (Đang dự thảo kết luận thanh tra 03 cuộc/17 đơn vị; Đã kết thúc thanh tra trực tiếp 03 cuộc/04 đơn vị).

+ Công tác xử lý vi phạm hành chính: đã tiến hành xử phạt vi phạm hành chính đối với 03 tổ chức và 11 cá nhân với tổng số tiền xử phạt là 417,250 triệu đồng; đồng thời đã tham mưu UBND tỉnh ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với 02 tổ chức và 01 cá nhân với số tiền xử phạt là 407 triệu đồng. Cùng với đó, UBND huyện thành lập, tổ chức nhiều đoàn thanh tra, kiểm tra về lĩnh vực tài nguyên và môi trường. Thông qua đó, đã từng bước tăng cường năng lực quản lý nhà nước đối với lĩnh vực này, đồng thời đã phát hiện xử lý nhiều vi phạm pháp luật, nhất là lĩnh vực đất đai, khoáng sản và môi trường. Trong 9 tháng qua, UBND các huyện, thành phố đã xử phạt 57 trường hợp, với tổng số tiền hơn 1.088 triệu đồng.

b) THPT, CLP trong quản lý, sử dụng tài nguyên nước: Tỉnh đã ban hành 15 Giấy phép khai thác sử dụng nước dưới đất và nước mặt, trong đó: 12 giấy phép khai thác nước dưới đất, 05 giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt.

c) THPT, CLP trong quản lý, khai thác, sử dụng khoáng sản: Đã ban hành Quyết định số 399/QĐ-UBND, ngày 25/3/2020 của UBND tỉnh về việc bổ sung nội dung tại Điều 1 Quyết định số 715/QĐ-UBND, ngày 14/6/2012 của UBND tỉnh về việc phê duyệt trữ lượng báo cáo kết quả thăm dò đá xây dựng, mỏ đá bazan thôn 10A, xã Đăk Lao, huyện Đăk Mil, tỉnh Đăk Nông; 02 Quyết định về việc phê duyệt Kế hoạch đầu tư giá quyền khai thác khoáng sản; Cấp 02 giấy phép khai thác khoáng sản (01 giấy phép khai thác xây dựng, 01 giấy phép chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản) và đóng cửa mỏ 01 mỏ khoáng sản. Hiện nay, trên địa bàn tỉnh Đăk Nông có 41 giấy phép khai thác khoáng sản còn hiệu lực do UBND tỉnh cấp; 03 giấy phép khai thác khoáng sản còn hiệu lực do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp.

d) THPT, CLP trong lĩnh vực quản lý bảo vệ môi trường, khí tượng thủy văn, biến đổi khí hậu và đa dạng sinh học:

+ Tỉnh đã ban hành Quyết định số 282/QĐ-UBND, ngày 03/3/2020 về việc ban hành Kế hoạch bảo vệ nguồn nước hồ Gia Nghĩa và hồ Đăk R’Tih; Quyết định sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Đăk Nông theo Quyết định số 39/2018/QĐ-UBND ngày 27/12/2018.

+ Công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật bảo vệ môi trường: Sở đã phối hợp với các huyện, thành phố tổ chức thành công các ngày lễ về bảo vệ môi trường, như: Lễ phát động hưởng ứng Ngày Môi trường Thế giới, Tháng hành động vì môi trường, Tuần lễ Biển và Hải đảo Việt Nam, Ngày Đại dương thế giới năm 2020, “Ngày hội đổi quà”. Đồng thời, đã chủ động tổ chức công tác tuyên

truyền về bảo vệ môi trường năm 2020 qua các hoạt động hưởng ứng Ngày Đất ngập nước thế giới; Ngày Nước thế giới, Ngày Khí tượng thế giới năm 2020; Giờ Trái đất năm 2020.

+ Công tác cấp các giấy phép về môi trường đã được quan tâm và thực hiện theo đúng các quy định về thủ tục hành chính. Trong 09 tháng qua, tỉnh đã ban hành 07 Quyết định về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của 07 dự án; Thông báo kết quả thẩm định kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải: 03 dự án; Thành lập Hội đồng báo cáo đánh giá tác động môi trường cho 11 Dự án; Phòng Tài nguyên và Môi trường các huyện, thành phố đã tham mưu UBND huyện, thành phố cấp 73 Giấy xác nhận Kế hoạch bảo vệ môi trường.

+ Đối với việc thực hiện các dự án, đề án bảo vệ môi trường, Sở đã chỉ đạo các đơn vị phối hợp với phòng Tài nguyên và Môi trường các huyện, thành phố triển khai 06 nhiệm vụ, đề án liên quan đến bảo vệ môi trường và xây dựng hiện trạng môi trường tỉnh Đắk Nông 05 năm giai đoạn 2016-2020.

1.6. THTK, CLP trong tổ chức bộ máy, quản lý, sử dụng lao động và thời gian lao động trong khu vực nhà nước:

a) THTK, CLP trong quản lý, sử dụng lao động trong cơ quan nhà nước:

- Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước:

Triển khai giai đoạn 2 (2016-2020) Nghị quyết 30c/NQ-CP của Chính phủ; Quyết định số 225/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, Sở Nội vụ đã tham mưu UBND tỉnh tiếp tục đẩy mạnh công tác CCHC. Tỉnh đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo như: Nghị quyết số 07-NQ/TU ngày 18/11/2016 của Tỉnh ủy về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác CCHC giai đoạn 2016-2020; Chương trình hành động số 14-CTr/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy ngày 04/5/2017 về việc thực hiện Nghị quyết số 07-NQ/TU của Tỉnh ủy; Quyết định số 1019/QĐ-UBND ngày 16/6/2017 của UBND tỉnh về kế hoạch triển khai Chương trình hành động số 14-CTr/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

Tỉnh đã chủ động chỉ đạo triển khai, thực hiện như: Ban hành Chỉ thị chấn chỉnh kỷ luật, kỷ cương trong tiếp nhận và giải quyết TTHC, Chỉ thị tăng cường công tác cải cách TTHC lĩnh vực tài nguyên và môi trường; ban hành các kế hoạch CCHC giai đoạn, hàng năm; cải thiện, nâng cao các Chỉ số Par Index, PCI, PAPI và nhiều văn bản khác có liên quan; quy định trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị trong CCHC; thành lập Ban Chỉ đạo CCHC của tỉnh, tổ tư vấn CCHC, tổ giúp việc đánh giá các chỉ số; phân công nhiệm vụ cho các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố và các cơ quan đầu mối triển khai thực hiện để đạt được các mục tiêu đề ra.

Công tác CCHC chuyển biến tích cực trên tất cả các lĩnh vực như: “Cải cách thể chế; Cải cách TTHC gắn với thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông; cải cách tổ chức bộ máy; cải cách công vụ, công chức; cải cách Tài chính công; hiện đại hóa nền hành chính - xây dựng Chính quyền điện tử”. Hệ thống thể chế khá đồng bộ, thống nhất đã triển khai cơ chế một cửa ở các cơ quan hành chính nhà nước, tạo sự thuận lợi, liên thông, đáp ứng nhu cầu phục vụ nhân dân. Đội ngũ cán bộ, công chức từng bước được củng cố kiện toàn; bản lĩnh chính trị, phẩm

chất đạo đức, năng lực, trình độ chuyên môn được nâng lên; ý thức, trách nhiệm của cán bộ, công chức trong thực thi công vụ có nhiều chuyển biến. Ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý nhà nước được tăng cường.

Hệ thống phần mềm Văn phòng điện tử được kết nối liên thông tới 100% các cơ quan hành chính từ cấp tỉnh đến cấp huyện, xã. Tỉnh đã triển khai hệ thống chứng thư số, chữ ký số chuyên dùng trong hoạt động các cơ quan hành chính nhà nước, tạo điều kiện cho các cơ quan, đơn vị hành chính cùng cấp với các cơ quan, đơn vị hành chính cấp huyện, xã thực hiện trên môi trường mạng. Hệ thống một cửa điện tử (iGate) được triển khai đồng bộ cung cấp thông tin TTHC từ cấp tỉnh đến cấp xã.

Đặc biệt, trong năm 2020 UBND tỉnh không tổ chức 02 Hội nghị tổng kết: Hội nghị Tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết 30c/NQ-CP của Chính phủ” và “Tổng kết CCHC năm 2020, kế hoạch CCHC giai đoạn 2016-2020” nhằm tiết kiệm chi ngân sách nhà nước năm 2020.

- Quản lý thời gian lao động:

+ Việc bố trí, sử dụng cán bộ, công chức, viên chức: Việc bố trí, sử dụng cán bộ, công chức, viên chức đã căn cứ vào yêu cầu công việc, trình độ đào tạo, năng lực chuyên môn và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện đối với ngạch, chức danh theo quy định. Thực hiện bổ nhiệm, bổ nhiệm lại đối với công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh được thực hiện theo quy định của Đảng và Nhà nước.

+ Việc sử dụng thời gian lao động: Hiện nay, việc sử dụng thời gian lao động, xử lý công việc của cơ quan được thực hiện khoa học, hợp lý; tổ chức các cuộc họp, hội nghị, hội thảo, tọa đàm, lễ kỷ niệm bảo đảm đúng mục đích, đúng thành phần, đối tượng tham dự và tiết kiệm thời gian không lãng phí. Tăng cường việc tổ chức hội nghị, họp trực tuyến để giảm tối thiểu chi phí đi lại; cán bộ, công chức, viên chức và người lao động sử dụng thời gian lao động tương đối hiệu quả.

+ Việc chấp hành kỷ luật lao động: Tất cả các cơ quan, tổ chức đã xây dựng quy chế làm việc của cơ quan, đơn vị mình; trong đó có quy định về kỷ luật lao động phù hợp với quy định của pháp luật về lao động và pháp luật về cán bộ, công chức.

- Thực hiện chính sách tinh giản biên chế và Đề án vị trí việc làm:

+ Về chính sách tinh giản biên chế: Triển khai thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17/4/2015 của Bộ Chính trị về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; Nghị định số 108/2014/NĐ-CP và Nghị định số 113/2018/NĐ-CP của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế; Thông tư liên tịch số 01/2015/TTLT-BNV-BTC ngày 14/4/2015 của liên Bộ: Nội vụ - Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ, kết quả thực hiện tinh giản biên chế đến thời điểm hiện nay của năm 2020 là 63 trường hợp (năm 2019 là 61 trường hợp).

+ Về thực hiện Đề án vị trí việc làm:

\* Khởi hành chính: Thực hiện Nghị định số 36/2013/NĐ-CP ngày 22/4/2013 của Chính phủ về vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức; Thông tư số 05/2013/TT-BNV ngày 25/6/2013 của Bộ Nội vụ Hướng dẫn thực hiện Nghị định

số 36/2013/NĐ-CP, Sở Nội vụ đã tổ chức tập huấn xây dựng đề án xác định vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức cho các Sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố; thẩm định đề án vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức, viên chức của các Sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố xây dựng và tổng hợp tham mưu UBND tỉnh trình Bộ Nội vụ phê duyệt Đề án xác định vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức tỉnh Đắk Nông với 317 vị trí việc làm trong hệ thống các cơ quan, tổ chức hành chính tỉnh. Hiện nay, Sở Nội vụ đang thẩm định trình UBND tỉnh phê duyệt bản mô tả công việc và khung năng lực của các sở, ban, ngành trên địa bàn tỉnh theo quy định, làm cơ sở bước đầu cho việc xây dựng đội ngũ công chức, viên chức có cơ cấu phù hợp, chuyên nghiệp đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ quản lý hành chính nhà nước và phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh.

\* Khối sự nghiệp công lập: Triển khai Nghị định số 41/2012/NĐ-CP ngày 08/5/2012 của Chính phủ quy định về vị trí việc làm trong đơn vị sự nghiệp công lập và Thông tư số 14/2012/TT-BNV ngày 18/12/2012 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện Nghị định số 41/2012/NĐ-CP, UBND tỉnh đã trình Bộ Nội vụ phê duyệt Đề án vị trí việc làm trong đơn vị sự nghiệp công lập của tỉnh Đắk Nông. Tuy nhiên, đến nay Bộ Nội vụ chưa phê duyệt danh mục khung vị trí việc làm của các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

1.7. THPTK, CLP trong quản lý, sử dụng vốn và tài sản nhà nước tại doanh nghiệp:

a) THPTK, CLP trong quản lý, sử dụng vốn nhà nước tại doanh nghiệp:

- Hiện nay các doanh nghiệp trên địa bàn nhìn chung đang khó khăn trong quá trình sản xuất kinh doanh, nhiều công ty không còn năng lực hoạt động do từ đầu năm đến nay, ảnh hưởng dịch Covid và bệnh Bạch hầu nên cũng ảnh hưởng năng suất sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh. Việc quản lý và sử dụng vốn nhà nước kém hiệu quả, nợ khó đòi chiếm tỷ lệ lớn trong vốn chủ sở hữu.

- Tổng số vốn chủ sở hữu nhà nước tại các doanh nghiệp: Theo kế hoạch năm 2020: Số đầu kỳ là: 2.666.958 triệu đồng; Số cuối kỳ là: 2.666.369 triệu đồng; Kết quả thực hiện 09 tháng đầu năm 2020: Số đầu kỳ là: 2.666.958 triệu đồng; Số cuối kỳ là: 2.680.978 triệu đồng;

- Nợ phải thu khó đòi tại các doanh nghiệp năm 2020: Theo kế hoạch năm 2020: Số đầu kỳ là: 28.670 triệu đồng; Số cuối kỳ là: 28.643 triệu đồng; Kết quả thực hiện năm 2020: Số đầu kỳ là: 28.670 triệu đồng; Số cuối kỳ là: 28.643 triệu đồng;

b) THPTK, CLP trong quản lý, sử dụng đất và tài sản nhà nước tại doanh nghiệp:

- Công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: Đã tham mưu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho 08 tổ chức (Công ty TNHH Nam Cao Nguyên; Công ty TNHH Một thành viên Vinh Phụng; Ban quản lý khu Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tỉnh Đắk Nông; Chùa Trúc Lâm; Ban Chỉ huy Quân sự huyện Đắk R'Lấp; Công ty cổ phần đường bộ Đắk Lắk; Trạm y tế xã Quảng Hòa; Công ty TNHH MTV XNK Trang Thịnh Vinh).

- Công tác thu hồi đất:

+ Đối với đất lâm nghiệp: Sở chuyên ngành đã tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định thu hồi đất lâm nghiệp của 06 Công ty nông lâm nghiệp giải thể, với tổng diện tích thu hồi theo sổ sách là 53.148,69 ha, trong đó: Đất có rừng là 17.197,00 ha; đất rừng tự nhiên là 14.384,14 ha; đất rừng trồng là 2.812,86 ha; đất không có rừng là 35.951,69 ha.

+ Đối với đất chuyên dùng, đất có tài sản, vườn cây: UBND tỉnh đã ban hành Công văn số 1692/UBND-KTTH ngày 13/4/2018 về việc xử lý các tồn tại, vướng mắc trong công tác giải thể, đến nay UBND tỉnh đã ban hành Quyết định thu hồi đất chuyên dùng, đất có vườn cây của các Công ty lâm nghiệp giải thể giao cho Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh quản lý như Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Quảng Tín đã thu hồi 2.467m<sup>2</sup>; Công ty TNHH MTV Thuận Tân đã thu hồi diện tích là 29.187,2m<sup>2</sup>; Công ty TNHH MTV lâm nghiệp Trường Xuân đã thu hồi diện tích là 25.216,2m<sup>2</sup>; Công ty TNHH MTV lâm nghiệp Quảng Đức đã thu hồi diện tích là 7.761,7m<sup>2</sup>; Công ty TNHH MTV nông lâm nghiệp Đức Lập với diện tích thu hồi là 628.004,5m<sup>2</sup>, hiện tại còn một phần diện tích đất tại trụ sở đang bị người dân lấn chiếm chưa thu hồi được, UBND tỉnh đã chỉ đạo UBND huyện Krông Nô xử lý việc lấn chiếm nêu trên nhưng đến nay vẫn chưa có kết quả (tại Công văn số 239/UBND-NN ngày 14/01/2019); Công ty TNHH MTV Gia Nghĩa với diện tích thu hồi là 112.234,9m<sup>2</sup>, hiện tại còn 02 vị trí đất chưa thu hồi giao cho Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh quản lý gồm một phần khu đất vườn ươm, khu đất trụ sở đội khai thác tại Phường Nghĩa Phú (Đối với đất vườn ươm: Một phần diện tích đã cho các công nhân làm việc cho Công ty xây dựng nhà cửa để ở nên chưa thu hồi giao cho Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh để quản lý được; Đối với khu đất trụ sở đội khai thác tại Phường Nghĩa Phú đang bị người dân lấn chiếm, chưa thống nhất được ranh giới nên chưa hoàn thành được việc đo đạc và thu hồi đất).

- Phương án sử dụng đất đối với diện tích đất thu hồi của các Công ty nông lâm nghiệp bàn giao về địa phương quản lý.

+ Thực hiện Quyết định số 478/QĐ-UBND ngày 05/4/2018 của UBND tỉnh về việc phê duyệt đề cương dự toán kinh phí xây dựng phương án sử dụng đất tổng thể do các Công ty nông lâm nghiệp bàn giao về địa phương quản lý. Trong quá trình triển khai thực hiện, UBND tỉnh đã chỉ đạo phương án sử dụng đất đối với diện tích đất thu hồi của các Công ty nông lâm nghiệp, với nguyên tắc không giao về cho địa phương đối với diện tích đất có rừng, tránh việc lợi dụng chủ trương để hợp thức hóa diện tích đất giao về địa phương tại Công văn số 2580/UBND-KTN ngày 04/6/2019 và Công văn số 3284/UBND-KTN ngày 12/7/2019 về việc xử lý các vấn đề liên quan đến phương án sử dụng đất tổng thể do các Công ty nông lâm nghiệp giao về địa phương quản lý.

+ Thời gian qua, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 2004/QĐ-UBND ngày 11/12/2019 về việc phê duyệt phương án sử dụng đất tổng thể do các Công ty Nông lâm nghiệp bàn giao về địa phương quản lý. Trong đó, tổng diện tích lập phương án sử dụng đất còn lại là 42.137,36 ha, bao gồm 06 Công ty lâm nghiệp giải thể (Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Quảng Tín, Công ty TNHH MTV

Thuận Tân, Công ty TNHH MTV lâm nghiệp Trường Xuân, Công ty TNHH MTV lâm nghiệp Quảng Đức, Công ty TNHH MTV nông lâm nghiệp Đức Lập và Công ty TNHH MTV Gia Nghĩa) và 04 Công ty nông lâm nghiệp đã phê duyệt phương án sử dụng đất của UBND tỉnh (gồm: Công ty TNHH MTV lâm nghiệp Đắk Wil, Công ty TNHH MTV cà phê Đức Lập, Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Nam Tây Nguyên và Công ty TNHH MTV cà phê Thuận An).

+ Công tác lập phương án sử dụng đất đối với diện tích giao về địa phương quản lý: Đối với diện tích bàn giao về địa phương quản lý chưa được đo đạc bản đồ địa chính. UBND tỉnh đã phê duyệt đề án tăng cường quản lý đất đai có nguồn gốc từ nông, lâm trường quốc doanh do các Công ty nông lâm nghiệp không thuộc diện sắp xếp theo Nghị định số 118/2004/NĐ-CP, Ban quản lý rừng và các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân sử dụng trên địa bàn tỉnh Đắk Nông tại Quyết định số 728/QĐ-UBND ngày 17/5/2018. Hiện nay, Sở Tài nguyên và Môi trường đang thực hiện lập thiết kế kỹ thuật dự toán triển khai thực hiện Đề án tăng cường quản lý đối với đất đai có nguồn gốc từ các nông lâm trường quốc doanh theo Quyết định số 32/QĐ-TTg ngày 07/01/2020 của Thủ tướng Chính phủ.

c) THTK, CLP tại các doanh nghiệp nhà nước, trong đó:

- Tiết kiệm chi phí nguyên vật liệu: 205 triệu đồng;
- Tiết kiệm nhiên liệu, năng lượng: 20.678 triệu đồng;
- Tiết kiệm chi phí quản lý: 921 triệu đồng;
- Tiết kiệm do áp dụng khoa học, công nghệ, sáng kiến, cải tiến kỹ thuật: 100 triệu đồng.

d) Công tác sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp Nhà nước:

d.1) Công tác cổ phần hóa: Hiện nay đang tiếp tục thực hiện cổ phần hóa cho một số doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

d.2) Công tác thoái vốn:

- Đối với Công ty Cổ phần Quản lý, sửa chữa đường bộ: Công ty đã được phê duyệt phương án thoái vốn; đang phối hợp với đơn vị tư vấn hoàn thiện hồ sơ công bố thông tin gửi lên Sở GD&ĐT để đăng ký bán cổ phần. Tuy nhiên, đến hết ngày 30/9/2020 không có Nhà Đầu tư đăng ký mua cổ phần của Công ty. Hiện nay, UBND tỉnh tiếp tục chỉ đạo Ban Chỉ đạo cổ phần hóa phối hợp với các đơn vị chủ động xử lý hoặc tham mưu cấp có thẩm quyền xử lý thoái vốn nhà nước theo quy định.

d.3) Công tác giải thể: Không tiết kiệm được thời gian do đến nay vẫn còn một số doanh nghiệp vẫn chưa hoàn thành công tác giải thể là do thiếu cán bộ thực hiện công tác giải thể; vướng mắc trong công tác xử lý công nợ; không có nguồn trả lương cán bộ tham gia công tác giải thể.

1.8. THTK, CLP trong hoạt động sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng của nhân dân:

a) THTK, CLP trong đầu tư xây dựng:

- Về thu hút đầu tư: Trong năm 2020, tham mưu cho UBND tỉnh thu hút 09 dự án đầu tư ngoài khu công nghiệp (Không có dự án nào trong Khu công nghiệp), với tổng vốn đầu tư 1.343.000 triệu đồng, trong đó: Công nghiệp - Xây

dự án; tổng vốn đăng ký là 29.000 triệu đồng; Năng lượng điện: 02 dự án; tổng vốn đăng ký 1.013.000 triệu đồng; Chăn nuôi tập trung: 02 dự án; tổng vốn đăng ký 182.000 triệu đồng; Xã hội hóa trong lĩnh vực môi trường: 02 dự án, tổng vốn đăng ký 116.000 triệu đồng; Dịch vụ- du lịch: 01 dự án; vốn đăng ký 4.800 triệu đồng.

- Số kinh phí tiết kiệm được trong việc thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh: Trong 6 tháng đầu năm Sở Kế hoạch và Đầu tư đã ban hành Công văn số 2386/SKH-GS&TTr ngày 26/12/2019 về việc triển khai Thông tư số 11/2019/TT-BKHĐT ngày 16/12/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và yêu cầu các Chủ đầu tư báo cáo dự kiến các gói thầu thực hiện lựa chọn nhà thầu qua mạng năm 2020. Theo đó, trong năm 2020 thực hiện: Tổ chức lựa chọn nhà thầu qua mạng đối với 100% các gói thầu áp dụng hình thức đấu thầu rộng rãi, chào hàng cạnh tranh thuộc lĩnh vực mua sắm hàng hóa, dịch vụ phi tư vấn, dịch vụ tư vấn có giá gói thầu không quá 5 tỷ đồng và thuộc lĩnh vực xây lắp có giá gói thầu không quá 10 tỷ đồng, trừ trường hợp đối với các gói thầu chưa thể tổ chức lựa chọn nhà thầu qua mạng hoặc các gói thầu có tính đặc thù; Việc tổ chức lựa chọn nhà thầu qua mạng trong năm phải bảo đảm tổng số lượng các gói thầu đạt tối thiểu 60% số lượng gói thầu áp dụng hình thức đấu thầu rộng rãi, chào hàng cạnh tranh (bao gồm cả các gói thầu quy mô lớn) và tổng giá trị gói thầu đạt tối thiểu 25% tổng giá trị các gói thầu áp dụng hình thức đấu thầu rộng rãi, chào hàng cạnh tranh. Do báo cáo tình hình thực hiện công tác đấu thầu thực hiện vào cuối năm, chưa đánh giá việc thực hiện theo các quy định đã nêu.

- Về lĩnh vực quản lý, thực hiện vốn đầu tư công:

Tổng số kế hoạch vốn chi đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước năm 2020 được HĐND tỉnh và UBND tỉnh giao là: 2.098.553 triệu đồng, bao gồm: 1.841.653 triệu đồng vốn trong nước và 256.900 triệu đồng vốn ODA. Đến nay, đã thực hiện phân bổ 1.811.491 triệu đồng, đạt 91,2% dự toán HĐND tỉnh giao và đạt 86,3% tổng kế hoạch vốn năm 2020; các nguồn vốn thông báo sau đến nay chưa phân bổ do chờ Trung ương bổ sung kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016-2020 (54.000 triệu đồng), còn lại do các Chủ đầu tư chậm hoàn thiện thủ tục đầu tư (điều chỉnh, phê duyệt dự án...).

Tình hình giải ngân kế hoạch vốn đầu tư năm 2020 trên địa bàn tỉnh ước tính đến hết 6 tháng đầu năm là 640.671 triệu đồng, đạt 35,4%, cao hơn 6,3% so với cùng kỳ năm 2019. Nguyên nhân chủ yếu là các chủ đầu tư còn chậm hoàn thiện các thủ tục đầu tư dự án, đề xuất phương án triển khai chi tiết kế hoạch vốn được UBND tỉnh giao.

- Số kinh phí tiết kiệm được trong việc thực hiện công tác thẩm tra, phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành: Theo kế hoạch là 17.240 triệu đồng, thực hiện là 19.418 triệu đồng vượt tỉ lệ so với kế hoạch.

b) THPTK,CLP trong sản xuất kinh doanh và tiêu dùng của nhân dân:

- Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện cuộc vận động “*Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam*” thực hành tiết kiệm trong mua sắm và tiêu dùng.



- Tăng cường tuyên truyền, phổ biến và tổ chức thực hiện có hiệu quả các quy định của pháp luật về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng; đồng thời xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm.

- Tăng cường kiểm tra, giám sát thị trường, giá cả nhất là đối với những mặt hàng thiết yếu cho sản xuất và đời sống; ngăn chặn đầu cơ, tăng giá bất hợp lý, nhất là các thời điểm mùa vụ, các dịp lễ, tết. Bảo đảm cung ứng hàng hóa thiết yếu cho khu vực vùng sâu, vùng xa, biên giới nhất là những thời điểm khó khăn, thiên tai, dịch bệnh; kiểm soát chặt chẽ việc nhập khẩu hàng hóa, ngăn chặn và có biện pháp xử lý nghiêm việc nhập khẩu các mặt hàng chất lượng kém, gây ô nhiễm môi trường, ảnh hưởng xấu đến sức khỏe của nhân dân.

- Thực hiện Chi thị số 34/CT-TTg ngày 07/8/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường tiết kiệm điện, UBND tỉnh ban hành Chi thị số 07/CT-UBND ngày 15/9/2017 về việc tăng cường tiết kiệm điện để chỉ đạo các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, các tổ chức doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh, các hộ sử dụng điện sinh hoạt tăng cường công tác tiết kiệm điện; hướng dẫn các cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm trên địa bàn tỉnh thực hiện nghiêm túc nội dung chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định số 1305/QĐ-TTg ngày 15/9/2017; đồng thời Chỉ đạo Công ty Điện lực Đắk Nông phối hợp với UBND các huyện, thị xã tăng cường công tác tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức về tiết kiệm điện của người dân, tổ chức.

2. Hành vi lãng phí và kết quả xử lý hành vi lãng phí:

- Số vụ việc lãng phí đã phát hiện: Không.

- Số vụ việc đã được xử lý: Không.

- Số người vi phạm và hình thức xử lý: Không.

### **3. Phân tích, đánh giá:**

3.1. Đánh giá kết quả đạt được:

a) Nhìn chung, tình hình thực hiện Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong thời gian qua tại các đơn vị đã có những chuyển biến tích cực; công tác THTK, CLP đã được Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo kịp thời; công tác tuyên truyền và thanh tra, kiểm tra về THTK, CLP trong các lĩnh vực được đẩy mạnh.

b) Nhận thức và hành động của đa số cán bộ, công chức, viên chức và người lao động được nâng lên. Qua đó đã ý thức được vai trò, trách nhiệm của mình trong việc đấu tranh và phòng, chống các biểu hiện tiêu cực, hành vi lãng phí.

c) Việc sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước cơ bản đúng theo chế độ, định mức nhà nước ban hành và quy chế chi tiêu nội bộ. Đồng thời, thực hiện tốt công tác công khai, minh bạch trong hoạt động của cơ quan; thông qua kinh phí tiết kiệm đã cải thiện được thu nhập cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong từng cơ quan, đơn vị.

d) Thực hiện mua sắm tài sản theo tiêu chuẩn, định mức và chế độ hiện hành; sử dụng tài sản tiết kiệm, hiệu quả. Trình tự, thủ tục mua sắm, điều chuyển, bán, thanh lý tài sản công thực hiện theo đúng thẩm quyền đã được phân cấp.

đ) Tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị cơ bản được hạch toán đầy đủ về hiện vật và giá trị, báo cáo tình hình quản lý, sử dụng công theo đúng quy định của pháp luật.

e) Các đơn vị được giao quản lý, sử dụng tài sản công đã ban hành Quy chế quản lý, sử dụng tài sản tại đơn vị. Tài sản được sử dụng đúng mục đích, hiệu quả, chống lãng phí.

### 3.2. Những tồn tại, hạn chế:

a) Công tác tuyên truyền, tập huấn, phổ biến, quán triệt các quy định pháp luật về THPTK-CLP tại một số cơ quan, địa phương chưa thật sự triệt để, chưa chủ động và quyết liệt trong việc triển khai thực hiện Chương trình THPTK-CLP.

Trong công tác xây dựng Chương trình THPTK, CLP vẫn còn một số cơ quan, đơn vị chưa xây dựng các chỉ tiêu kế hoạch dẫn đến việc đánh giá và đề ra biện pháp thực hiện chưa đạt hiệu quả cao; vẫn còn một số cơ quan, đơn vị báo cáo chậm so với thời hạn quy định; số liệu báo cáo không đầy đủ theo biểu mẫu quy định dẫn đến công tác tổng hợp trên địa bàn toàn tỉnh gặp rất nhiều khó khăn.

b) Công tác thanh tra, kiểm tra của cấp trên đối với cấp dưới ở một số nơi chưa được chú trọng; hiệu quả phát hiện các hành vi lãng phí trong quá trình tự thanh tra, kiểm tra của các đơn vị còn thấp.

c) Một số cán bộ, công chức đã được quán triệt, tuyên truyền về THPTK, CLP nhưng còn chậm trong thay đổi nhận thức và hành động dẫn đến một số nội dung kinh phí tiết kiệm chưa đạt kết quả đề ra.

d) Việc triển khai công tác THPTK, CLP của các Công ty TNHH MTV và Công ty cổ phần có sử dụng vốn của Nhà nước đạt kết quả chưa cao, việc tổ chức thực hiện, kiểm tra, báo cáo chưa có nề nếp, chất lượng báo cáo còn hạn chế, chưa đầy đủ các tiêu chí theo đề cương đề ra, việc THPTK, CLP là góp phần thiết thực, nâng cao đời sống cho cán bộ công nhân viên và người lao động trong các doanh nghiệp nhà nước.

đ) Một số cơ quan, đơn vị chưa nhận thức được tầm quan trọng và chưa chủ động trong công tác kê khai quản lý, sử dụng tài sản công.

e) Tất cả các tài sản là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô các loại, tài sản khác trên 500 triệu đồng sau khi có biến động (tăng, giảm) phải lập hồ sơ báo cáo. Tuy nhiên, một số cơ quan, đơn vị khi có biến động về tài sản chưa thực hiện việc báo cáo kê khai theo quy định.

### 3.3. Nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế:

a) Trách nhiệm, sự quan tâm, chú trọng việc thực hiện Luật THPTK, CLP tại một số cơ quan, đơn vị chưa thật sự đúng mức, chưa có chế tài thích đáng đối với những trường hợp gây lãng phí. Từ đó ảnh hưởng đến hiệu quả thực hiện THPTK, CLP.

b) Một số định mức chi tiêu chưa phù hợp với tình hình thực tế gây khó khăn trong việc thực hiện. Cơ chế quản lý giám sát tài sản, đất đai, tài nguyên,... còn lỏng lẻo, việc công khai minh bạch nhiều lĩnh vực còn hạn chế dẫn đến hiệu quả sử dụng kinh phí, tài sản, đất đai... chưa cao.

c) Do tác động của yếu tố khách quan như: Nhiệm vụ chính trị được giao hàng năm tăng, kinh phí thì hạn hẹp; giá cả một số mặt hàng tăng so với năm trước, tình hình dịch Covid và bệnh bạch hầu diễn biến phức tạp nên số vì vậy số tiền thực hiện tiết kiệm không lớn.

### **III. Phương hướng, nhiệm vụ và các giải pháp về THPTK, CLP năm 2021.**

#### **1. Phương hướng, nhiệm vụ:**

- Tiếp tục chỉ đạo các cấp, các ngành nghiêm túc triển khai thực hiện Chương trình THPTK, CLP giai đoạn 2020-2025 của UBND tỉnh đã đề ra; phải xác định rõ nhiệm vụ trọng tâm, cụ thể hóa các chỉ tiêu tiết kiệm (bằng số liệu cụ thể) và đưa ra các giải pháp sát thực tế để đạt được mục tiêu, chỉ tiêu tiết kiệm đã xây dựng;

- Triển khai thực hiện các quy định của Trung ương, của tỉnh trong quản lý, điều hành kinh tế xã hội và phân đầu đảm bảo hoàn thành dự toán ngân sách năm 2020; rà soát, kiểm soát chặt chẽ các mục chi theo dự toán, tiết kiệm tối đa các khoản chi chưa thực sự cần thiết. Đối với các khoản chi lớn, đưa ra nhiều phương án lựa chọn tối ưu để thực hiện;

- Xác định THPTK, CLP là nhiệm vụ thường xuyên trong thực hiện nhiệm vụ chính trị, chuyên môn của các Sở, Ban, ngành, các tổ chức chính trị xã hội, các huyện và thành phố, các Công ty TNHH MTV vốn 100% của Nhà nước; xây dựng và củng cố đội ngũ công chức, viên chức có phẩm chất đạo đức tốt, có năng lực và trình độ chuyên môn cao, tư tưởng chính trị vững vàng, kiên định đáp ứng yêu cầu và nhiệm vụ được giao.

- Đẩy mạnh việc rà soát, sửa đổi, bổ sung những nội dung chưa phù hợp trong cơ chế, chính sách nhằm tiết kiệm và phòng chống tham nhũng, lãng phí;

- Tiếp tục tuyên truyền sâu rộng đến các cấp, các ngành nhằm nâng cao ý thức chấp hành và thực hiện tốt công tác THPTK, CLP trong cán bộ, công chức, viên chức và người lao động.

#### **2. Các giải pháp thực hiện:**

##### **2.1 Về lãnh đạo, điều hành:**

- Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo việc thực hành tiết kiệm chống lãng phí tại các đơn vị thuộc phạm vi quản lý. Nâng cao tính tiên phong, gương mẫu của đảng viên, tăng cường vai trò của cấp ủy Đảng trong quản lý, giáo dục đảng viên, công chức, viên chức và người lao động về THPTK, CLP; yêu cầu đội ngũ cán bộ công chức, viên chức nghiêm túc Chỉ thị số 17/CT-UBND ngày 07/8/2013 của UBND tỉnh về việc chấn chỉnh lề lối làm việc và thực thi công vụ của cán bộ, công chức, viên chức.

- Đề cao vai trò và trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị trong việc THPTK, CLP; mọi hành vi vi phạm, gây lãng phí xảy ra trong cơ quan, tổ chức, đơn vị phải làm rõ trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị.

##### **2.2. Về công tác cải các hành chính:**

- Tăng cường công tác lãnh đạo, điều hành trong công tác CCHC như: Thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 07-NQ/TU của Tỉnh ủy về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với CCHC giai đoạn 2016-2020; Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết; Chỉ thị số 01/CT-UBND của UBND tỉnh về việc chấn chỉnh kỷ luật, kỷ cương trong tiếp nhận, giải quyết TTHC; kế hoạch hoạt động của Ban chỉ đạo CCHC tỉnh và các văn bản triển khai thực hiện các nhiệm vụ CCHC đồng bộ, thống nhất theo ngành, lĩnh vực trên toàn tỉnh.

- Triển khai thực hiện toàn diện các nội dung theo Chương trình tổng thể CCHC nhà nước ban hành kèm theo Nghị quyết số 30c/NQ-CP ngày 08/11/2011 của Chính phủ trong đó, tập trung các nội dung chủ yếu như: Đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy, biên chế của các cơ quan hành chính nhà nước, các đơn vị sự nghiệp công lập theo hướng tinh gọn, giảm đầu mối, giảm biên chế, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và tính tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập. Tiếp tục thực hiện việc sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy hành chính và đơn vị sự nghiệp của tỉnh theo thời gian, lộ trình tại 02 Kế hoạch: số 300/KH-UBND và số 386/KH-UBND của UBND tỉnh.

- Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, nhất là năng lực thực thi công vụ, kỹ năng và văn hóa công vụ, đạo đức nghề nghiệp.

- Tiếp tục đơn giản hóa thủ tục hành chính gắn với thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông theo Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC.

- Tiếp tục thẩm định sửa đổi, bổ sung Quyết định phê duyệt bản mô tả và khung năng lực vị trí việc làm của các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh.

- Tiến hành rà soát các văn bản đang thực hiện về các lĩnh vực có liên quan, đề xuất hoặc loại bỏ ngay những nội dung quy định không còn phù hợp với các chính sách pháp luật của Nhà nước.

- Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý Nhà nước về lĩnh vực công tác sản xuất kinh doanh, tăng cường công tác công khai minh bạch quyền và nghĩa vụ của cán bộ công nhân viên trong các doanh nghiệp nhà nước, thực hiện đồng bộ các biện pháp THPT, CLP với phòng chống tham nhũng, đẩy mạnh việc phân cấp quản lý tài chính, tài sản, cải cách hành chính và đồng thời luân chuyển vị trí công tác đối với cán bộ, công chức, viên chức theo đúng quy định của Nhà nước. Đồng thời, nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức trong công tác THPT, CLP gắn với đẩy mạnh cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh” và các phong trào thi đua trong lao động, sản xuất.

### 2.3. Về việc quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước:

- Thực hiện nghiêm túc công tác công khai, minh bạch trong hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị trên các lĩnh vực: Tài chính - ngân sách; mua sắm tài sản; đầu tư xây dựng cơ bản; quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; sử dụng các khoản huy động và đóng góp trong nhân dân; quy trình, thủ tục giải quyết công việc của từng cơ quan, đơn vị gắn với cải cách các thủ tục hành chính; công tác tuyển dụng, bổ nhiệm, luân chuyển vị trí công tác cán bộ; xây dựng, thể chế hóa pháp luật;

- Đôn đốc các đơn vị thực hiện có hiệu quả dự toán thu chi ngân sách Nhà nước giao hàng năm; quản lý chặt chẽ các khoản chi đảm bảo đúng theo dự toán

đã được phê duyệt. Triệt để tiết kiệm chi quản lý hành chính (như điện, nước, văn phòng phẩm, xăng dầu, cử cán bộ đi công tác trong và ngoài tỉnh, tổ chức hội nghị, hội thảo; tiếp khách ...).

- Xây dựng các định mức tiết kiệm cụ thể trong từng lĩnh vực quản lý để giao thành chỉ tiêu phân đầu đồng thời gắn với cơ chế khen thưởng và xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm;

#### 2.4. Về lĩnh vực đất đai:

- Tỉnh đã phê duyệt bảng giá các loại đất 05 năm giai đoạn 2020-2024 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông; thực hiện công tác thống kê đất đai, lập danh mục các dự án phải thu hồi đất, các dự án phải chuyển mục đích sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai. Đồng thời, nghiên cứu tham mưu UBND tỉnh điều chỉnh một số nội dung quy định về điều kiện tách thửa tại Quyết định số 22/2019/QĐ-UBND ngày 05/8/2019 cho phù hợp với đặc thù của địa phương và đảm bảo quy định của pháp luật; xin ý kiến Bộ Tài nguyên và Môi trường để tháo gỡ một số vướng mắc trong việc lập kế hoạch sử dụng đất hàng năm.

- Nghiên cứu, tham mưu UBND tỉnh cơ chế tạo quỹ đất sạch tại các đô thị phát triển như Gia Nghĩa, Đắk Mil, Đắk R'Lấp. Tập trung tháo gỡ vướng mắc trong giải phóng mặt bằng, xây dựng phương án đấu giá đất, kêu gọi đầu tư đối với các dự án khu dân cư đã được UBND tỉnh phê duyệt.

- Tổ chức thẩm định và trình UBND tỉnh phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất đến giai đoạn 2021 - 2030; Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 các huyện, thành phố.

- Xây dựng Kế hoạch định giá đất cụ thể đối với các dự án có sử dụng đất trong năm 2021 trên địa bàn tỉnh, trình UBND tỉnh phê duyệt.

#### 2.5. Về lĩnh vực khoáng sản:

- Xây dựng kế hoạch khoanh định khu vực cấm, tạm cấm hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh Đắk Nông trình UBND tỉnh phê duyệt theo quy định.

- Khoanh định, công bố vùng phải đăng ký khai thác nước dưới đất và công bố vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất, ngưỡng khai thác nước dưới đất trên địa bàn tỉnh.

- Tham mưu giải pháp, khắc phục tình trạng sạt lở bờ sông Krông Nô; Đề xuất giải pháp quản lý sử dụng đá ba gian dạng trụ, cột.

- Triển khai phương án bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn tỉnh Đắk Nông; công tác cấm mốc hành lang bảo vệ nguồn nước sau khi được UBND tỉnh phê duyệt phương án và dự toán.

#### 2.6. Về lĩnh vực bảo vệ môi trường:

- Tiếp tục chỉ đạo thực hiện các hoạt động tuyên truyền bảo vệ môi trường nhằm nâng cao ý thức của người dân trên địa bàn tỉnh Đắk Nông: Phối hợp, tổ chức hoạt động hưởng ứng các ngày lễ về môi trường; tăng cường công tác tuyên truyền, tập huấn về các vấn đề môi trường; tăng cường công tác giải quyết khiếu nại, phản ánh về môi trường của các tổ chức, cá nhân; kiểm tra việc chấp hành quy định pháp luật về bảo vệ môi trường của các cơ sở sản xuất, kinh doanh dịch vụ và y tế trên địa bàn, xử lý nghiêm minh các trường hợp vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

- Tiếp tục chỉ đạo các ngành tổ chức nộp phí bảo vệ môi trường của các đơn vị theo quy định. Tổ chức kiểm tra các chủ nguồn thải, chủ vận chuyển, chủ xử lý chất thải nguy hại trên địa bàn.

- Tiếp tục xây dựng đề cương Chương trình giám sát tăng cường tác động môi trường xung quanh đối với hoạt động khai thác bô - xít trên địa bàn tỉnh Đắk Nông năm 2021; xây dựng Chương trình Kiểm soát ô nhiễm 2021; tổ chức các hoạt động hưởng ứng Ngày Môi trường thế giới 5/6, ngày Quốc tế Đa dạng sinh học, Chiến dịch làm cho thế giới sạch hơn.

2.7 Về lĩnh vực đầu tư: Tập trung bố trí vốn cho những công trình, dự án trọng điểm thật sự bức xúc hoặc còn thi công dở dang; kiên quyết không bố trí cho những công trình, dự án không đảm bảo thủ tục; đình, hoãn hoặc giãn tiến độ đối với những công trình, dự án chưa thật sự thiết thực; hủy bỏ không đầu tư những công trình, dự án nếu phát hiện kém hoặc không hiệu quả theo Chỉ thị số 1792/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ.


2.8. Công tác thanh tra, kiểm tra, giải quyết đơn thư, phòng chống tham nhũng:

Thực hiện nghiêm Chi thị số 20/CT-TTg ngày 17/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc chấn chỉnh hoạt động thanh tra, kiểm tra đối với doanh nghiệp; theo dõi, rà soát, chấn chỉnh kịp thời các trường hợp chồng chéo, trùng lặp trong hoạt động thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp; triển khai thực hiện Công văn số 907/TTCP-KHTH ngày 12/6/2020 của Tổng Thanh tra Chính phủ về thực hiện Nghị quyết số 84/NQ-CP ngày 29/5/2020 của Chính phủ.

Tăng cường chỉ đạo công tác thanh tra, kiểm tra và đôn đốc sau thanh tra về việc chấp hành các quyết định thu hồi, kiến nghị, xử lý sau thanh tra đã có hiệu lực; Đồng thời chủ động gắn công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo với công tác THTK, CLP.

Trên đây là báo cáo kết quả về thực hiện Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2020 và phương hướng nhiệm vụ năm 2021, Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, chỉ đạo.

*(Gửi kèm Phụ lục báo cáo kết quả công tác THTK, CLP, kỳ báo cáo: cả năm 2020).*

**Nơi nhận:** 

- Như trên;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Đại biểu tham dự kỳ họp HĐND tỉnh;
- Văn phòng HĐND tỉnh;
- Các Sở: TC, TP;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTN, KTTH(...).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Bốn**

**PHỤ LỤC SỐ 01**  
**BÁO CÁO KẾT QUẢ CHƯƠNG TRÌNH THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ**  
**KỶ BÁO CÁO: Cả năm 2020 (Số liệu báo cáo đến 30/9/2020 và ước thực hiện đến ngày 31/12/2020)**  
*(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng 10 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh tỉnh Đắk Nông)*

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả của năm 2019	Kế hoạch của năm 2020	Kết quả năm 2020	So sánh		Ghi chú
						Năm trước	Kế hoạch	
A	B	C	E	F	K			
<b>I</b>	<b>Trong việc ban hành, thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ</b>							
1	Số văn bản quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ mới được ban hành	Văn bản	45	50	38	84%	76%	
2	Số văn bản quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ sửa đổi, bổ sung	Văn bản	21	24	13	62%	54%	
3	Số cuộc kiểm tra việc thực hiện các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ	Cuộc	52	50	36	69%	72%	
4	Số vụ vi phạm các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã được phát hiện và xử lý	Vụ	2	1	0			
5	Tổng giá trị các vi phạm về định mức, tiêu chuẩn, chế độ được kiến nghị thu hồi và bồi thường (nếu là ngoại tệ, tài sản thì quy đổi thành tiền Việt Nam đồng)	Triệu đồng	0	0	0			
<b>II</b>	<b>Trong lập, thẩm định, phê duyệt dự toán, quyết toán, quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước (NSNN)</b>							
<b>1</b>	<b>Lập, thẩm định, phê duyệt, phân bổ dự toán NSNN</b>		<b>365.961</b>	<b>350.178</b>	<b>350.178</b>			
1.1	Dự toán lập sai chế độ, sai đối tượng, sai tiêu chuẩn, định mức	Triệu đồng						
1.2	Số tiền tiết kiệm dự toán chi thường xuyên theo chỉ đạo, điều hành của Chính phủ	Triệu đồng	99.745	107.313	107.313	108%	100%	
1.3	Số tiền vi phạm đã xử lý, cắt giảm dự toán	Triệu đồng			0			
1.4	Các nội dung khác (tăng thu, tiết kiệm chi)		266.216	242.865	242.865			
<b>2</b>	<b>Sử dụng và thanh quyết toán NSNN</b>		<b>22.198</b>	<b>13.144</b>	<b>11.528</b>			
2.1	Tiết kiệm chi quản lý hành chính, gồm:		14.532	8.559	7.063	49%	83%	
	<i>Tiết kiệm văn phòng phẩm</i>	Triệu đồng	937	885	713			Số tiền tiết kiệm xác định trên cơ sở dự toán được duyệt, mức khoán chi được duyệt
	<i>Tiết kiệm cước phí thông tin liên lạc</i>	Triệu đồng	574	534	375			
	<i>Tiết kiệm sử dụng điện</i>	Triệu đồng	429	605	491			
	<i>Tiết kiệm xăng, dầu</i>	Triệu đồng	1.250	999	880			
	<i>Tiết kiệm nước sạch</i>	Triệu đồng	234	472	196			
	<i>Tiết kiệm công tác phí</i>	Triệu đồng	1.321	2.092	1.409			
	<i>Tiết kiệm trong tổ chức hội nghị, hội thảo</i>	Triệu đồng	556	595	1.019			
	<i>Tiết kiệm chi tiếp khách, khánh tiết, lễ hội, kỷ niệm</i>	Triệu đồng	903	877	724			
	<i>Tiết kiệm trong mua sắm, sửa chữa tài sản, trang thiết bị làm việc, phương tiện thông tin, liên lạc</i>	Triệu đồng	8.329	1.501	1.258			
2.2	Tiết kiệm trong mua sắm, sửa chữa phương tiện đi lại (ô tô, mô tô, xe gắn máy)		559	822	701	125%	85%	
a	Số tiền sửa chữa, mua mới phương tiện đi lại đã chi	Triệu đồng	559	822	701			
b	Kinh phí tiết kiệm được, gồm:	Triệu đồng	0	0	0			Tiết kiệm so với dự toán, định mức, tiêu chuẩn hoặc mức khoán chi được duyệt
	<i>Thẩm định, phê duyệt dự toán</i>	Triệu đồng	0	0	0			
	<i>Thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh</i>	Triệu đồng	0	0	0			
	<i>Thương thảo hợp đồng</i>	Triệu đồng	0	0	0			
	<i>Các nội dung khác</i>	Triệu đồng	0	0	0			
2.3	Tiết kiệm do thực hiện cơ chế khoán chi, giao quyền tự chủ cho cơ quan, tổ chức	Triệu đồng	7.081	3.737	3.737	53%	100%	
2.4	Tiết kiệm kinh phí Chương trình mục tiêu Quốc gia	Triệu đồng	0	0	0			
2.5	Tiết kiệm kinh phí nghiên cứu khoa học, công nghệ	Triệu đồng	20	20	20			
2.6	Tiết kiệm kinh phí giáo dục và đào tạo	Triệu đồng	0	0	0			
2.7	Tiết kiệm kinh phí y tế	Triệu đồng	6	6	6			
<b>3</b>	<b>Sử dụng, quyết toán NSNN lãng phí, sai chế độ</b>	<b>Triệu đồng</b>						
3.1	Tổng số cơ quan, tổ chức sử dụng NSNN	Đơn vị	252	254	221	88%	87%	
3.2	Số lượng cơ quan, tổ chức sử dụng NSNN lãng phí, sai chế độ đã phát hiện được	Đơn vị	39	1	34	87%	3400%	
3.3	Số tiền vi phạm đã phát hiện (kiến nghị thu hồi nộp NSNN)	Triệu đồng	201	14	214	107%	1529%	
<b>4</b>	<b>Các nội dung khác</b>							

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả của năm 2019	Kế hoạch của năm 2020	Kết quả năm 2020	So sánh		Ghi chú
						Năm trước	Kế hoạch	
A	B	C	E	F	K			
<b>III</b>	<b>Trong mua sắm, sử dụng phương tiện đi lại và phương tiện, thiết bị làm việc của cơ quan, tổ chức trong khu vực nhà nước</b>	<b>triệu đồng</b>						
<b>1</b>	<b>Phương tiện đi lại (ô tô, mô tô, xe gắn máy)</b>		<b>497</b>	<b>477</b>	<b>473</b>			
1.1	Số lượng phương tiện hiện có đầu kỳ	Chiếc	435	408	404	93%		
1.2	Số lượng phương tiện tăng thêm trong kỳ (mua mới, điều chuyển)	Chiếc	1	7	8			
1.3	Số lượng phương tiện giảm trong kỳ (thanh lý, điều chuyển)	Chiếc	5	7	6			
1.4	Số lượng phương tiện sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	Chiếc	56	55	55			
1.5	Số tiền xử lý vi phạm về sử dụng phương tiện đi lại	Triệu đồng	0	0	0			
<b>2</b>	<b>Tài sản khác</b>		<b>187</b>	<b>29</b>	<b>29</b>			
2.1	Số lượng các tài sản khác được thanh lý, sắp xếp, điều chuyển, thu hồi	Tài sản	112	29	29			
2.2	Số lượng tài sản trang bị, sử dụng sai mục đích, sai chế độ phát hiện được	Tài sản	5	0	0			
2.3	Số tiền xử lý vi phạm về quản lý, sử dụng tài sản	Triệu đồng	70	0	0			
<b>3</b>	<b>Các nội dung khác</b>							
<b>IV</b>	<b>Trong đầu tư xây dựng; quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, nhà ở công vụ và công trình phúc lợi công cộng</b>							
<b>1</b>	<b>Trong đầu tư xây dựng</b>							
1.1	Số lượng dự án chun cần thiết đã cắt giảm	Dự án	0	0	0			
1.2	Số kinh phí tiết kiệm được, gồm:	Triệu đồng	78.201	25.813	30.057	38%	116%	Tiết kiệm được so với dự toán duyệt, được giám giá thầu, giảm từ được duyệt quyết toán dự án hoàn thành
	- Thẩm định, phê duyệt dự án, tổng dự toán	Triệu đồng	3.857	5.378	7.157	186%	133%	
	- Thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh	Triệu đồng	3.180	2.821	3.279	103%	116%	
	- Thực hiện đầu tư, thi công	Triệu đồng	325	374	202	62%	54%	
	- Thẩm tra, phê duyệt quyết toán	Triệu đồng	70.475	17.240	19.418	28%	113%	
	- Các nội dung khác	Triệu đồng	364	0	0	0%		
1.3	Số vốn chậm giải ngân so với kế hoạch	Triệu đồng	1.176.480/1.360.727	1.472.497	520.977		35%	
1.4	Các dự án thực hiện chậm tiến độ	Dự án	2	1	1	50%	100%	
1.5	Các dự án hoàn thành không sử dụng được hoặc có vi phạm pháp luật bị đình chỉ, hủy bỏ		0	0	0			
	Số lượng	Dự án	0	0	0			
	Giá trị đầu tư phải thanh toán	Triệu đồng	0	0	0			
<b>2</b>	<b>Trụ sở làm việc</b>							
2.1	Tổng diện tích trụ sở hiện có đầu kỳ	m <sup>2</sup>	1.613.171	1.075.952	1.535.123	95%	143%	
2.2	Diện tích trụ sở tăng thêm do xây dựng, mua mới, nhận điều chuyển	m <sup>2</sup>	180	1.511	1.068			
2.3	Diện tích trụ sở giảm do thanh lý, điều chuyển, sắp xếp lại	m <sup>2</sup>	0	0	8.641			
2.4	Diện tích trụ sở sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	m <sup>2</sup>	0	0	0			
2.5	Diện tích trụ sở sử dụng sai chế độ đã xử lý	m <sup>2</sup>	0	0	0			
2.6	Số tiền xử lý vi phạm, thanh lý trụ sở thu được	Triệu đồng	0	0	0			
<b>3</b>	<b>Nhà công vụ</b>							
3.1	Tổng diện tích nhà công vụ hiện có đầu kỳ	m <sup>2</sup>	255.672	250.359	250.677	98%	100%	
3.2	Diện tích nhà công vụ tăng thêm do xây dựng, mua mới, nhận điều chuyển	m <sup>2</sup>	0	180	197			
3.3	Diện tích nhà công vụ giảm do thanh lý, điều chuyển, sắp xếp lại	m <sup>2</sup>	0	117	185		158%	
3.4	Diện tích nhà công vụ sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	m <sup>2</sup>	0	0	0			
3.5	Diện tích trụ sở sử dụng sai chế độ đã xử lý	m <sup>2</sup>	0	0	0			
3.6	Số tiền xử lý vi phạm về quản lý, sử dụng nhà công vụ	Triệu đồng	0	0	0			
<b>4</b>	<b>Các nội dung khác</b>							
<b>V</b>	<b>Trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên</b>							
<b>1</b>	<b>Quản lý, sử dụng đất</b>							
1.1	Diện tích đất sử dụng sai mục đích, bỏ hoang hoá, có vi phạm pháp luật	m <sup>2</sup>	2.090.200	2.090.300	230			
1.2	Diện tích đất sử dụng sai mục đích, vi phạm pháp luật, bỏ hoang hoá đã xử lý, thu hồi	m <sup>2</sup>	2.090.373	2.090.300	2.910	0%		
1.3	Số tiền xử phạt, xử lý vi phạm thu được	Triệu đồng	163	203	88	54%		



STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả của năm 2019	Kế hoạch của năm 2020	Kết quả năm 2020	So sánh		Ghi chú
						Năm trước	Kế hoạch	
A	B	C	E	F	K			
1.4	Các nội dung khác		0	0	0			
2	<b>Quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên khác</b>							
2.1	Số lượng vụ việc vi phạm trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên	Vụ	19	9	7	37%	78%	
2.2	Số tiền xử phạt, xử lý vi phạm thu được	Triệu đồng	749	486	193	26%	40%	
3	<b>Các dự án tái chế, tái sử dụng tài nguyên, sử dụng năng lượng tái tạo được</b>							
3.1	Số lượng dự án mới hoàn thành đưa vào sử dụng	Dự án	0	0	0			
3.2	Số tiền dự kiến tiết kiệm được theo dự án được duyệt	Triệu đồng	0	0	0			
3.3	Năng lượng, tài nguyên dự kiến tiết kiệm được theo dự án được duyệt		0	0	0			
4	<b>Các nội dung khác</b>							
VI	<b>Trong tổ chức bộ máy, quản lý, sử dụng lao động và thời gian lao động trong khu vực nhà nước</b>							
1	Số lượng vụ việc vi phạm trong quản lý, sử dụng lao động, thời gian lao động	Vụ	0	0	0			
2	Số tiền xử lý vi phạm thu được	Triệu đồng	0	0	0			
3	Các nội dung khác		0	0	0			
VII	<b>Trong quản lý, sử dụng vốn và tài sản nhà nước tại doanh nghiệp</b>							
1	<b>Tiết kiệm chi phí, giá thành sản xuất kinh doanh</b>							
1.1	Tiết kiệm nguyên, vật liệu	Triệu đồng	566	77	205	36%	266%	
1.2	Tiết kiệm nhiên liệu, năng lượng	Triệu đồng	21.106	20.696	20.678	98%	100%	
	Tiết kiệm điện	Kwh	11.720.240	11.342.878	11.342.798	97%	100%	
	Tiết kiệm xăng, dầu	Lít	3.169	2.700	2.253	71%	83%	
1.3	Tiết kiệm chi phí quản lý	Triệu đồng	746	430	921	123%	214%	
1.4	Tiết kiệm do áp dụng khoa học, công nghệ, sáng kiến, cải tiến kỹ thuật	Triệu đồng	100	100	100			
1.5	Chi phí tiết giảm đã đăng ký	Triệu đồng	0	0	0			
1.6	Chi phí tiết giảm đã thực hiện	Triệu đồng	0	0	0			
2	<b>Quản lý đầu tư xây dựng</b>	<b>Triệu đồng</b>						
2.1	Tổng số dự án đầu tư, xây dựng đang thực hiện	Dự án	18	1	0			
2.2	Số lượng dự án thực hiện đúng tiến độ, có hiệu quả	Dự án	18	2	1			
2.3	Chi phí đầu tư tiết kiệm được	Triệu đồng	0	0	0			
	Thẩm định, phê duyệt dự án, tổng dư toán	Triệu đồng	18.865	20	3.238	17%	16190%	
	Thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh	Triệu đồng	436	0	58	13%		
	Thực hiện đấu tư, thi công	Triệu đồng	1.646	0	1.077	65%		
	Thẩm tra, phê duyệt quyết toán	Triệu đồng	0	0	0			
2.4	Lãng phí, vi phạm, thất thoát vốn	Triệu đồng	0	0	0			
	Số lượng dự án chậm tiến độ, có lãng phí, vi phạm pháp luật	Dự án	0	0	0			
	Số tiền bị thất thoát, lãng phí, vi phạm pháp luật	Triệu đồng	0	0	0			
2.5	Các nội dung khác		0	0	0			
3	<b>Sử dụng các nguồn kinh phí được cấp từ NSNN</b>							
3.1	Số tiền tiết kiệm được	Triệu đồng	0	0	0			
3.2	Số tiền chậm giải ngân, quyết toán so với thời hạn được duyệt	Triệu đồng	0	0	0			
3.3	Số tiền sử dụng sai chế độ, lãng phí	Triệu đồng	0	0	0			
4	<b>Mua sắm tài sản, phương tiện</b>							
4.1	Mua sắm, trang bị xe ô tô con							
	Số lượng xe đầu kỳ	Chiếc	15	15	16			
	Số lượng xe tăng trong kỳ (mua mới)	Chiếc	1	1	2			
	Số tiền mua mới xe ô tô trong kỳ	Triệu đồng	1.070	1.850	2.100			
	Số lượng xe giảm trong kỳ (thanh lý, chuyển nhượng)	Chiếc	1	1	2			
	Số tiền thu hồi do thanh lý, chuyển nhượng	Triệu đồng	0	32	147			
4.2	Trang bị xe ô tô con sai tiêu chuẩn, chế độ	Chiếc	0	0	0			
	Số lượng xe mua sắm, trang bị sai chế độ	Chiếc	0	0	0			
	Số tiền mua xe trang bị sai chế độ	Triệu đồng	0	0	0			
5	<b>Ng quỹ thu khó đời</b>							
5.1	Số đầu kỳ	Triệu đồng	28.670	28.670	28.670	100%	100%	

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả của năm 2019	Kế hoạch của năm 2020	Kết quả năm 2020	So sánh		Ghi chú
						Năm trước	Kế hoạch	
A	B	C	E	F	K			
5.2	Số cuối kỳ	Triệu đồng	28.670	28.643	28.643	100%	100%	
<b>6</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>							
6.1	Số đầu năm	Triệu đồng	2.351.763	2.666.958	2.666.958	113%	100%	
6.2	Số cuối kỳ	Triệu đồng	2.666.958	2.666.369	2.680.978	101%	101%	
<b>VIII</b>	<b>THTK, CLP trong hoạt động sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng của nhân dân</b>							
1	Hộ gia đình thực hiện nếp sống văn hoá, THTK, CLP	Lượt hộ	36.900	35.123	36.048	98%		
2	Các vụ việc gây lãng phí được phát hiện	Vụ	0	0	0			
<b>IX</b>	<b>Kết quả công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, kiểm toán về THTK, CLP</b>							
1	Tổng số cuộc thanh tra, kiểm tra về THTK, CLP đã triển khai thực hiện	Cuộc	132		109	83%		
2	Tổng số cuộc thanh tra, kiểm tra về THTK, CLP đã hoàn thành	Cuộc	115		97	84%		
3	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị được thanh tra, kiểm tra về THTK, CLP	Cơ quan/tổ chức/đơn vị	1.160 tổ chức và cá nhân	45	565 tổ chức và 2.745 cá nhân			
4	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị có lãng phí, vi phạm về THTK, CLP được phát hiện	Cơ quan/tổ chức/đơn vị	219 tổ chức, cá nhân		630 tổ chức, cá nhân			
5	Tổng giá trị tiền, tài sản bị lãng phí, sử dụng sai chế độ phát hiện được qua thanh tra, kiểm tra, giám sát	Triệu đồng	55.882,5 trđ, sai phạm về rừng 1.134,5 ha; đất 305,1m <sup>2</sup>		sai phạm các dạng về kinh tế với tổng số tiền là 68.658,12 triệu đồng			
5.1	Tổng giá trị tiền bị lãng phí, sử dụng sai chế độ phát hiện được qua thanh tra, kiểm tra, giám sát	Triệu đồng						
5.2	Diện tích đất rừng bị lãng phí, sử dụng sai chế độ phát hiện được qua thanh tra, kiểm tra, giám sát	Ha						
6	Tổng giá trị tiền, tài sản lãng phí, vi phạm đã xử lý, thu hồi	Triệu đồng	2.056		4.418	215%		
7	Số lượng người bị xử lý do gây lãng phí hoặc vi phạm pháp luật về THTK, CLP	người	0		0			
	Xử lý hành chính, kỷ luật	người	11 tập thể, 54 cá nhân		Kiểm điểm 108 tổ chức, 233 cá nhân			
	Xử lý hình sự	vụ việc	Chuyển cơ quan cảnh sát điều tra 04 vụ việc	0	Chuyển cơ quan cảnh sát điều tra 10 vụ việc			

*Handwritten signature*

**DANH SÁCH CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐẮK NÔNG  
XÂY DỰNG, BÁO CÁO VỀ CHƯƠNG TRÌNH THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ  
KỶ BÁO CÁO: CẢ NĂM 2020 (Số liệu báo cáo đến 30/9/2020 và ước thực hiện đến hết 31/12/2020)  
(Kèm theo Báo cáo số ...../BC-UBND ngày .... tháng 10 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông)**

STT	DANH SÁCH CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ	Chương trình, Kế hoạch năm 2020	Số văn bản của các đơn vị báo cáo cả năm 2020 (báo cáo trước ngày 08/10/2020)	Ghi chú
<b>1</b>	<b>KHỐI TỈNH</b>			
1	Ban dân tộc		680/BC-BĐT ngày 28/9/2020	
2	Ban Quản lý khu công nghiệp	130/CTr-BQLKCN 04/3/2020	761/BC-BQLKCN ngày 30/9/2020	
3	BQLDA Giao thông, dân dụng, công nghiệp		351a/BC-BQL ngày 09/10/2020	
4	BQLDA ĐTXD các công trình NN và PTNT		189/BC-BQL ngày 30/9/2020	
5	Ban An toàn giao thông		161/BC-ATGT ngày 06/10/2020	
6	Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh		191/BC-PTTH ngày 07/10/2020	
7	Hội Chữ thập đỏ		49/BC-HCTĐ ngày 12/10/2020	Nhận báo cáo ngày 15/10/2020; Báo cáo chậm
8	Hội Cựu chiến binh		255-BC/CCB ngày 30/9/2020	
9	Hội Hữu nghị Việt Nam - Campuchia		36/CV-HHN ngày 01/10/2020	Không có chương trình THPT, CLP
10	Hội Khuyến học		118/BC-HKH ngày 07/10/2020	Nhận báo cáo ngày 09/10/2020; Báo cáo chậm
11	Hội Liên hiệp phụ nữ			Không gửi báo cáo
12	Hội Nạn nhân chất độc da cam		102/BC-HDC ngày 01/10/2020	
13	Báo Đắk Nông		63-BC/BĐN ngày 07/10/2020	Nhận báo cáo ngày 09/10/2020; Báo cáo chậm
14	Hội Nông dân		272-BC/HNDT ngày 16/10/2020	Báo cáo chậm
15	Hội Văn học nghệ thuật	15/KH-VHNT ngày 28/02/2020		Không gửi báo cáo
16	Liên hiệp các hội khoa học kỹ thuật		148/BC-LHH ngày 12/10/2020	Nhận báo cáo ngày 14/10/2020; Báo cáo chậm
17	Liên minh hợp tác xã		357/BC-LMHTX ngày 08/10/2020	Không có phụ lục số 02; Nhận báo cáo ngày 12/10/2020; Báo cáo chậm
18	Sở Lao động Thương binh và Xã hội	619/KH-LĐTBXH ngày 01/4/2020	2221/BC-SLĐTBXH ngày 07/10/2020	Báo cáo chậm
19	Sở Công thương		324/BC-SCT ngày 08/10/2020	
20	Sở Giáo dục và Đào tạo	01/CTr-SGDĐT ngày 28/02/2020	529/BC-SGDĐT ngày 07/10/2020	
21	Sở Giao thông - vận tải		2080/BC-SGTVT ngày 08/10/2020	

STT	DANH SÁCH CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ	Chương trình, Kế hoạch năm 2020	Số văn bản của các đơn vị báo cáo cả năm 2020 (báo cáo trước ngày 08/10/2020)	Ghi chú
22	Sở Kế hoạch và Đầu tư		...../SKH-VP ngày .../.../2020	Nhận mail 9g30 ngày 21/10/2020; Báo cáo chậm;
23	Sở Khoa học và Công nghệ		209/BC-SKHCN ngày 07/10/2020	
24	Sở Nội vụ		251/BC-SNV ngày 06/10/2020	Nhận báo cáo lúc 14g 29 ngày 21/10/2020; Báo cáo chậm
25	Sở Nông nghiệp & Phát triển nông thôn	31/QĐ-SNN ngày 06/02/2020	588/BC-SNN ngày 06/10/2020	
	- Chi cục Kiểm lâm tỉnh	06/QĐ-CCKL ngày 08/01/2020	978/BC-CCKL ngày 07/10/2020	
	- Ban quản lý rừng phòng hộ Thác Mơ		67/BC- BQL ngày 06/10/2020	
26	Sở Tài chính		131/CV-DT ngày 12/10/2020; 128/CV- QLNS ngày 16/10/2020	
27	Sở Tài nguyên và Môi trường		324/BC-STNMT ngày 08/10/2020	
28	Sở Thông tin - Truyền thông		171/BC-STTTT ngày 08/10/2020	
29	Sở Tư pháp	01/CTr-STP ngày 15/3/2020	245/BC-STP ngày 08/10/2020	
30	Sở Văn hóa Thể thao & Du lịch		282/BC-SVHTTDL ngày 20/10/2020	Nhận báo cáo lúc 14g 52 ngày 20/10/2020; Báo cáo chậm
31	Sở Xây dựng	348/CTr-SXD ngày 10/3/2020	1818/BC-SXD ngày 08/10/2020	
32	Sở Y tế		2244/SYT-KHTC ngày 13/10/2020	Báo cáo chậm
33	Thanh tra tỉnh		229/BC-TTr ngày 02/10/2020	
34	Tỉnh Đoàn Đắk Nông		476 BC/TNTN- TCXDD ngày 05/10/2020	
35	Ủy ban Mặt trận tổ quốc tỉnh		146/BC-MTTQ-BTT ngày 09/10/2020	Nhận báo cáo ngày 12/10/2020; Báo cáo chậm
36	Văn phòng Đoàn đại biểu quốc hội và HĐND			Không gửi báo cáo
37	Văn phòng UBND tỉnh		913/BC-VPUBND ngày 16/10/2020	Nhận báo cáo 9g28 ngày 20/10/2020; Báo cáo chậm
38	Văn phòng Tỉnh Ủy		10498-BC/VPTU ngày 08/10/2020	Nhận báo cáo ngày 12/10/2020; Báo cáo chậm
<b>II KHÔI HUYỆN</b>				
1	Ủy ban nhân dân huyện Cư Jut	29/CTr-UBND ngày 25/02/2020	369/BC-UBND ngày 08/10/2020	
2	Ủy ban nhân dân huyện Đắk Glong		434/BC-UBND ngày 08/10/2020	
3	Ủy ban nhân dân huyện Đắk Lắk		423/BC-UBND ngày 13/10/2020	Báo cáo chậm

STT	DANH SÁCH CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ	Chương trình, Kế hoạch năm 2020	Số văn bản của các đơn vị báo cáo cả năm 2020 (báo cáo trước ngày 08/10/2020)	Ghi chú
4	Ủy ban nhân dân huyện Đắk Mil	254/QĐ-UBND ngày 16/3/2020	522/BC-UBND ngày 08/10/2020	
5	Ủy ban nhân dân huyện Đắk Song			Không gửi báo cáo
6	Ủy ban nhân dân huyện Krông Nô	566/QĐ-UBND ngày 02/3/2020	515/BC-UBND ngày 13/10/2020	Báo cáo chậm
7	Ủy ban nhân dân huyện Tuy Đức	186/QĐ-UBND ngày 04/02/2020	478/BC-UBND ngày 19/10/2020	Nhận báo cáo lúc 14g 52 ngày 20/10/2020; Báo cáo chậm
8	Ủy ban nhân dân thành phố Gia Nghĩa		.../BC-UBND ngày .../.../2020	Nhận mail 8g35 ngày 12/10/2020, báo cáo chậm
<b>III KHỐI DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC</b>				
1	Cty Cà phê Đức Lập		32/BC-CT ngày 05/10/2020	Nhận báo cáo ngày 13/10/2020; Báo cáo chậm
2	Cty TNHH MTV Dầu tư PT Đại Thành		76/BC-CT ngày 06/10/2020	
3	Cty TNHH MTV KTCT Thủy Lợi Đắk Nông	50/QĐ-KTTL ngày 26/02/2020	141/BC-KTTL ngày 06/10/2020	
4	Cty TNHH MTV LN Đắk N'Tao		98/BC-CT ngày 07/10/2020	Nhận báo cáo ngày 12/10/2020; Báo cáo chậm
5	Cty TNHH MTV LN Đắk Wil		315/BC-CT ngày 06/10/2020	
6	Cty TNHH MTV LN Đức Hòa	01/CTr-CTĐH ngày 11/3/2020		Không gửi báo cáo
7	Cty TNHH MTV LN Nam Tây Nguyên		81/BC-CT ngày 07/10/2020	Nhận báo cáo ngày 12/10/2020; Báo cáo chậm
8	Cty TNHH MTV LN Quảng Sơn			Không gửi báo cáo
9	Cty TNHH MTV Nam Nung		.../BC-CT ngày .../9/2021	gửi mail
10	Cty TNHH MTV QLSCXD cầu đường bộ ĐN		152/BC-ĐBĐN ngày 07/10/2020	
11	Cty TNHH MTV Xô số kiến thiết tỉnh ĐN		38/BC-CT ngày 05/10/2020	
12	Quỹ Dầu tư và phát triển Đắk Nông	02/CTr-QĐTPT ngày 04/3/2020	44/BC-QĐTPT ngày 07/10/2020	
13	Cty Phát triển hạ tầng KCN Tâm thắng		370/BC-Cty ngày 29/9/2020	
<b>IV CÁC ĐƠN VỊ KHÁC (có sử dụng NSDP)</b>				
1	Công an tỉnh	55/KH-CAT-PH10 ngày 16/3/2020	984/BC-CAT-PH10 ngày 07/10/2020	Nhận báo cáo ngày 12/10/2020; Báo cáo chậm
2	BCH Quân sự tỉnh		2895/BC-BCH ngày 08/10/2020	Nhận báo cáo ngày 15/10/2020; Báo cáo chậm
3	BCH bộ đội biên phòng	2273/CTr-BTL ngày 31/5/2019	1700/BC-BCH ngày 06/10/2020	
4	Kho bạc Nhà nước tỉnh	137/QĐ-KBĐN ngày 04/5/2020	613/BC-KBĐN ngày 07/10/2020	
5	Cục Thuế tỉnh	1488/QĐ-TCT ngày 29/8/2017	2373/BC-CT ngày 06/10/2020	Không có phụ lục số 02